

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Lê Thị Hoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Hùng Quyết

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG
NGHIỆP VIỆT HOÀNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Lê Thị Hoa

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Hùng Quyết

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Hoa

Mã SV: 110280

Lớp: QT1101K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU **Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG I: MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KQKD TRONG DOANH NGHIỆP Error!

Bookmark not defined.

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Error! Bookmark not defined.

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Error! Bookmark not defined.

1.1.2. Các loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh theo từng hoạt động trong doanh nghiệp. Error! Bookmark not defined.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Error! Bookmark not defined.

1.3. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Error! Bookmark not defined.

1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Error! Bookmark not defined.

1.4.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Error! Bookmark not defined.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong DN Error! Bookmark not defined.

1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp. Error! Bookmark not defined.

1.4.1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Error! Bookmark not defined.

1.4.1.4. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Error! Bookmark not defined.

1.4.1.5. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp. Error! Bookmark not defined.

1.4.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. Error! Bookmark not defined.

1.4.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính. Error! Bookmark not defined.

1.4.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính. Error! Bookmark not defined.

1.4.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp. Error! B

1.4.3.1. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác. Error! Bookmark not defined.

1.4.3.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí khác. Error! Bookmark not defined.

1.4.4. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong DN. Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VIỆT HOÀNG..... Error! Bookmark not defined.

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng. Error! Bookmark not defined.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty..... Error! Bookmark not defined.

2.1.2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty Error! Bookmark not defined.

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty..... Error! Bookmark not defined.

2.1.3.1. Chức năng Error! Bookmark not defined.

2.1.3.2. Nhiệm vụ Error! Bookmark not defined.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh Error! Bookmark not defined.

2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty..... Error! Bookmark not defined.

2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán Error! Bookmark not defined.

2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán Error! Bookmark not defined.

2.1.5.3. Trình tự ghi sổ kế toán Error! Bookmark not defined.

2.1.5.4. Tổ chức báo cáo kế toán tài chính tại Công ty. Error! Bookmark not defined.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng. Error! Bookmark not defined.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Error! Bookmark not defined.

2.2.1.1. Đặc điểm và phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Cty.. Error! Bookmark not defined.

2.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng Error! Bookmark not defined.

2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng Error! Bookmark not defined.

2.2.1.4. Tài khoản sử dụng Error! Bookmark not defined.

2.2.1.5. Quy trình hạch toán Error! Bookmark not defined.

2.2.2. Kế toán chi phí Error! Bookmark not defined.

2.2.2.1. Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp Error! Bookmark not defined.

2.2.2.2. Chi phí bán hàng Error! Bookmark not defined.

2.2.2.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp Error! Bookmark not defined.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty..... Error! Bookmark not defined.

2.2.3.1. Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ Error! Bookmark not defined.

2.2.3.2. Kết quả hoạt động tài chính Error! Bookmark not defined.

2.2.3.3. Kết quả hoạt động khác Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VIỆT HOÀNG Error! Bookmark not defined.

3.1. Đánh giá khái quát công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng.Error!

Bookmark not defined.

3.1.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị:Error! Bookmark not defined.

3.1.2. Những mặt ưu điểm Error! Bookmark not defined.

3.1.3. Một số hạn chếError! Bookmark not defined.

3.2. Các nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... Error! Bookmark not defined.

3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:.....

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:Error! Bookmark not defined.

3.2.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:Error! Bookmark not defined.

3.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPCN Việt Hoàng.Error!

Bookmark not defined.

KẾT LUẬN Error! Bookmark not defined.

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Thế giới WTO, điều này mở ra rất nhiều cơ hội mới cho nền kinh tế Việt Nam nhưng cũng không ít thách thức mới đối với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Các doanh nghiệp đứng trước hai khả năng hoặc là phá sản hoặc là phát triển bền vững. Bởi vậy, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Vậy dựa vào đâu để có thể biết được một doanh nghiệp là đang phát triển, có khả năng phát triển hoặc đứng trước nguy cơ phá sản? Đó chính là thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được. Quả vậy, thông qua hệ thống báo cáo tài chính do kế toán cung cấp, ta có thể biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp như thế nào. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để cơ quan thuế, các đối tác làm ăn và các tổ chức tài chính xem xét làm việc và hợp tác.

Việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp có nhiều khâu quan trọng, trong đó công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào? Chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao? Và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà doanh nghiệp đạt được. Từ những thông tin từ đó giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt

Hoàng em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và quyết định chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng***” cho bài khoá luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của khoá luận bao gồm 3 chương và được trình bày như sau:

Chương I: Một số lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Việt Hoàng.

Chương III: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Việt Hoàng.

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về Công ty còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, qua bài khóa luận này em rất mong nhận được sự góp ý trao đổi kiến thức của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán trong Công ty để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Lê Thị Hoa

CHƯƠNG I**MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.**

Trước đây, trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hầu như được Nhà nước “lo” toàn bộ. Nếu kinh doanh có lãi thì doanh nghiệp được hưởng còn thua lỗ thì Nhà nước chịu. Vì vậy, công tác này thường bị các doanh nghiệp xem nhẹ. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, các doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất kinh doanh, không còn sự bao cấp của Nhà nước thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở nên vô cùng quan trọng. Các doanh nghiệp phải tổ chức tốt được công tác này mới có thể đưa ra được các biện pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

Vậy muốn tìm hiểu về công tác này thì trước tiên ta phải nắm được thế nào là doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Doanh thu: Là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh: Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.1.2. Các loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh theo từng hoạt động trong doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Hoạt động khác: Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình mà doanh nghiệp cũng có thể chỉ có một hoặc hai trong ba hoạt động kinh doanh nói trên.

Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (bao gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá trị sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và phi tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp được xác định theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu bán hàng và cung cấp DV				
Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần từ bán hàng và CCDV			
	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Doanh thu HĐ tài chính	
		Chi phí BH, QLDN, chi phí tài chính	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	Thu nhập khác
			Tổng lợi nhuận trước thuế	Chi phí khác
			CP thuế TNDN (25%)	Lợi nhuận sau thuế

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đơn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

1.3. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Với việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đề ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân:

- Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.
- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính, ... công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.
- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp Nhà nước, ...

1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

Bán hàng (hay tiêu thụ hàng hóa) là giai đoạn cuối cùng của quá trình tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp, nó là quá trình thực hiện về mặt giá trị của hàng hóa. Trong mỗi quan hệ này, doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hóa cho người mua và người mua phải chuyển giao cho doanh nghiệp số tiền mua hàng tương ứng với giá trị của hàng hóa đó.

Vậy, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Tuy nhiên, trong quá trình bán hàng cũng phát sinh một số trường hợp khiến doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm sút. Đó là các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là loại thuế gián thu, đánh vào một số loại hàng hóa đặc biệt do các doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ. Thuế này do các cơ sở trực tiếp sản xuất ra hàng hóa đó nộp nhưng người tiêu dùng là người chịu thuế vì thuế được cộng vào giá bán.
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu: Chi tiết thuế xuất khẩu là thuế đánh trên hàng hóa xuất khẩu theo quy định của Nhà nước.
- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: Là thuế GTGT được đánh trực tiếp trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ.
- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Trị giá hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như bán hàng sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong đó bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

Theo chuẩn mực số 1 – “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2000/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, để xác định và ghi nhận doanh thu mỗi doanh nghiệp cần phải tuân theo những quy định sau:

- Ghi nhận doanh thu và các chi phí phải theo một nguyên tắc phù hợp, khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

- *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

+ Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Khi hàng hóa dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

- Nếu trong kỳ phát sinh những khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, hàng bán bị trả lại thì được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu và ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê TS.

Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ các doanh nghiệp sử dụng rất linh hoạt các phương thức bán hàng. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận.

Các phương thức bán hàng mà các doanh nghiệp thường áp dụng bao gồm:

- Bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất. Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, song phương thức giao hàng phải được thực hiện tại đơn vị sản xuất.

+ Bán buôn: Là các quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn, hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông, chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được thực hiện theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên với người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận

thanh toán về số hàng chuyển giao thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm hai loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức giao hàng không tại kho hoặc đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc tại các cửa hàng tiêu thụ.

- Bán hàng qua đại lý: Về bản chất, bán hàng theo phương thức này là bán theo phương thức chuyển hàng. Song trong trường hợp này, bên giao phải trả cho bên đại lý một khoản tiền gọi là tiền hoa hồng đại lý.

- Bán hàng cho trả góp: Thực chất của phương thức bán hàng này là bán hàng trực tiếp kết hợp với nghiệp vụ cho khách hàng vay vốn. Vì vậy, tiền thu được tính từ quá trình bán hàng phải chia làm hai phần: phần doanh thu bán hàng (tính theo giá bán tính tiền một lần) và doanh thu từ hoạt động tài chính (phần lãi cho khách hàng trả góp).

- Bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng: Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ: Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng, đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của một số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Trong mỗi doanh nghiệp, hàng tồn kho đều được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau với các đơn giá khác nhau. Vì vậy, việc lựa chọn phương pháp tính giá

thực tế xuất kho sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Phương pháp tính giá vốn bán hàng được đăng ký với cơ quan thuế và được áp dụng nhất quán trong một lý kế toán.

Để tính trị giá hàng xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau đây:

- Phương pháp bình quân gia quyền

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{l} \text{ĐG} \\ \text{xuất} = \\ \text{kho} \end{array} \quad \frac{\text{Trị giá sp, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá sp, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng sp, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sp, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ tính toán, không phụ thuộc vào số lần xuất, nhập hàng hóa trong kỳ nhiều. Do vậy phù hợp với những doanh nghiệp kinh doanh với quy mô lớn, các nghiệp vụ kinh tế xuất, nhập hàng hóa diễn ra liên tục.

Nhược điểm: Với phương pháp này, công việc tính giá vốn hàng xuất bán được dồn hết vào cuối kỳ kế toán nên nhiều khi gây nên sự chông chéo trong công việc và việc tính giá theo phương pháp này có độ chính xác không cao.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\begin{array}{l} \text{ĐG} \\ \text{xuất} = \\ \text{kho} \end{array} \quad \frac{\text{Trị giá thực tế sp, hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng sp, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng xuất ít.

- Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, khi xuất lô hàng nào thì được tính giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Với những doanh nghiệp có điều kiện bảo quản lô hàng nhập kho riêng biệt thì việc tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp này là rất hợp lý.

Ưu điểm: Công việc tính giá được tiến hành kịp thời, thông qua việc tính giá hàng hóa xuất kho, kế toán có thể theo dõi được hạn bảo quản của từng lô hàng hóa. Có ý nghĩa đặc biệt đối với những hàng hóa lương thực, thực phẩm.

Nhược điểm: Yêu cầu về cơ sở vật chất kho tàng bảo quản của doanh nghiệp phải tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo quản riêng biệt của từng lô hàng hóa khác nhau.

- *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)*

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng hóa xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: Với phương pháp này giúp kế toán tính giá hàng xuất bán một cách kịp thời.

Nhược điểm: Hàng hóa tồn kho cuối kỳ có thể của nhiều lần nhập kho khác nhau, do vậy trị giá hàng tồn kho được tính theo nhiều giá khác nhau nên việc xác định trị giá hàng tồn kho sẽ phức tạp hơn và dễ gây ra sự nhầm lẫn, đồng thời phương pháp tính giá này gây nên tình trạng phản ánh chi phí không theo kịp với sự biến động giá cả của thị trường. Do vậy, phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp kinh doanh ít chủng loại hàng hóa và số lần nhập xuất hàng hóa không nhiều.

- *Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)*

LIFO được giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng trong kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Nhưng với phương pháp LIFO đã khắc phục được nhược điểm của phương pháp FIFO là phản ánh chi phí kịp thời với sự biến động của giá cả của thị trường.

- Phương pháp giá hạch toán

Đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng hóa, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập xuất hàng diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng hạch toán.

Doanh nghiệp có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua hàng hóa ở một thời điểm nào đó hay giá hàng bình quân tháng trước để làm giá hạch toán nhập, xuất, tồn kho hàng trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của hàng xuất, tồn kho theo giá thực tế. Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

$$\text{Hệ số giá sp, hàng hóa} = \frac{\text{Trị giá thực tế sp, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế sp, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán sp, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán sp, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Sau khi tính hệ số giá, kế toán tiến hành điều chỉnh giá hạch toán trong kỳ thành giá thực tế vào cuối kỳ kế toán.

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho trong kỳ} = \text{Hệ số giá} \times \text{Trị giá hạch toán của hàng xuất kho trong kỳ}$$

$$\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho cuối kỳ} = \text{Hệ số giá} \times \text{Trị giá hạch toán của hàng tồn kho cuối kỳ}$$

1.4.1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Theo phương pháp này, kế toán sử dụng các loại chứng từ, tài khoản, sổ sách cũng như cách thức hạch toán như sau:

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho, Phiếu thu, Phiếu kế toán
- Giấy báo có của Ngân hàng, Sổ phụ Ngân hàng

Tài khoản sử dụng:

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Bên Nợ:
 - + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp.
 - + Khoản giảm giá hàng bán.
 - + Trị giá hàng bán bị trả lại.
 - + Khoản chiết khấu thương mại
 - + Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.
- Bên Có:
 - + Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

TK 511 có 4 tài khoản cấp 2:

 - + TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư.
 - + TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật tư như công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.
 - + TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.
 - + TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.
 - + TK 5117 – Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư: được dùng để phản ánh doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư bao gồm số tiền cho thuê tính theo kỳ báo cáo và giá bán BĐS đầu tư.

TK 512: Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu được từ tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nội bộ. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty.

Tài khoản này có kết cấu tương tự như TK 511 và được mở chi tiết thành các tài khoản như sau:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122: Doanh thu bán sản phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 521: Chiết khấu thương mại

- Bên Nợ:
 - + Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Bên Có:
 - + Kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ.

TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211 – Chiết khấu hàng hóa: phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại (tính trên khối lượng hàng hóa đã bán ra) cho người mua hàng.
- + TK 5212 – Chiết khấu thành phẩm: phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại trên khối lượng sản phẩm đã bán ra cho người mua thành phẩm.
- + TK 5213 – Chiết khấu dịch vụ: phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại tính trên khối lượng dịch vụ đã cung cấp cho người mua dịch vụ.

TK 531: Hàng bán bị trả lại

- Bên Nợ:
 - + Giá trị của hàng bán bị trả lại.
- Bên Có:
 - + Kết chuyển toàn bộ giá trị hàng bán bị trả lại sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK 532: Giảm giá hàng bán

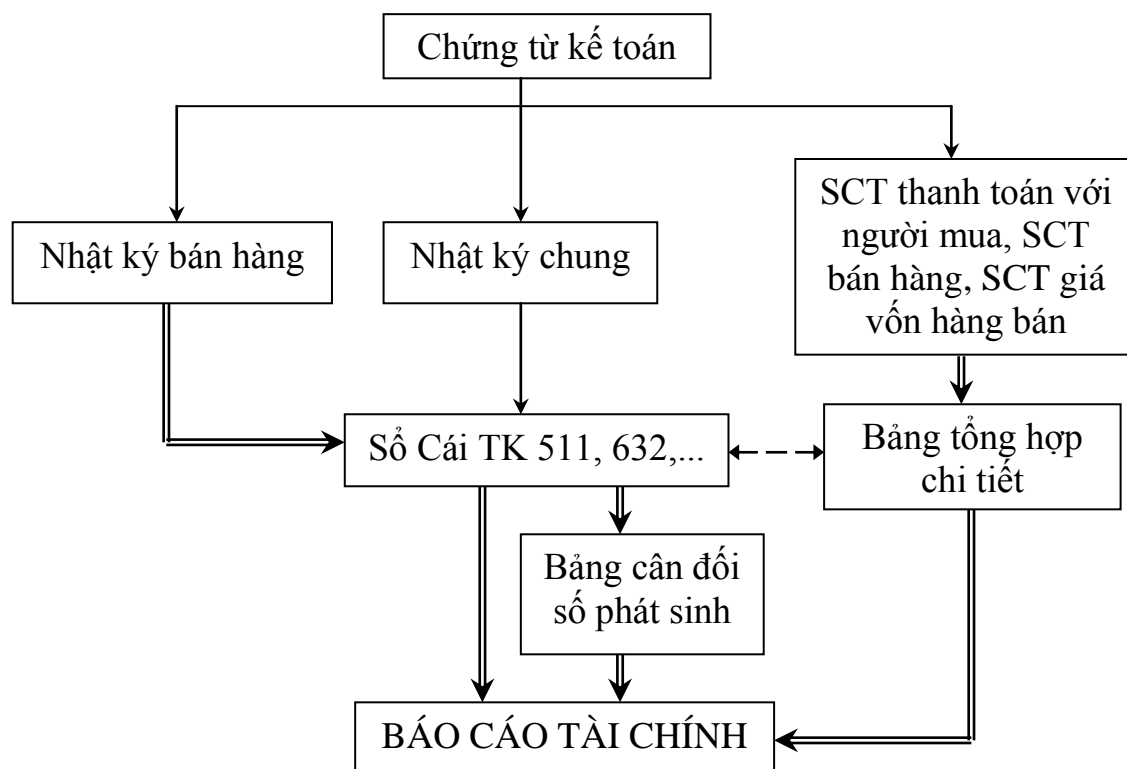
- Bên Nợ:
 - + Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng.
- Bên Có:
 - + Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK 632: Giá vốn hàng bán

- Bên Nợ:
 - + Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
 - + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
 - + Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
 - + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
 - + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.
 - + Phản ánh các khoản chi phí liên quan đến BĐS đầu tư đem cho thuê, bán, thanh lý, và giá trị còn lại của BĐS đầu tư đem bán, thanh lý.
 - Bên Có:
 - + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
 - + Giá vốn của hàng bán bị trả lại.
 - + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 632 không có số dư.

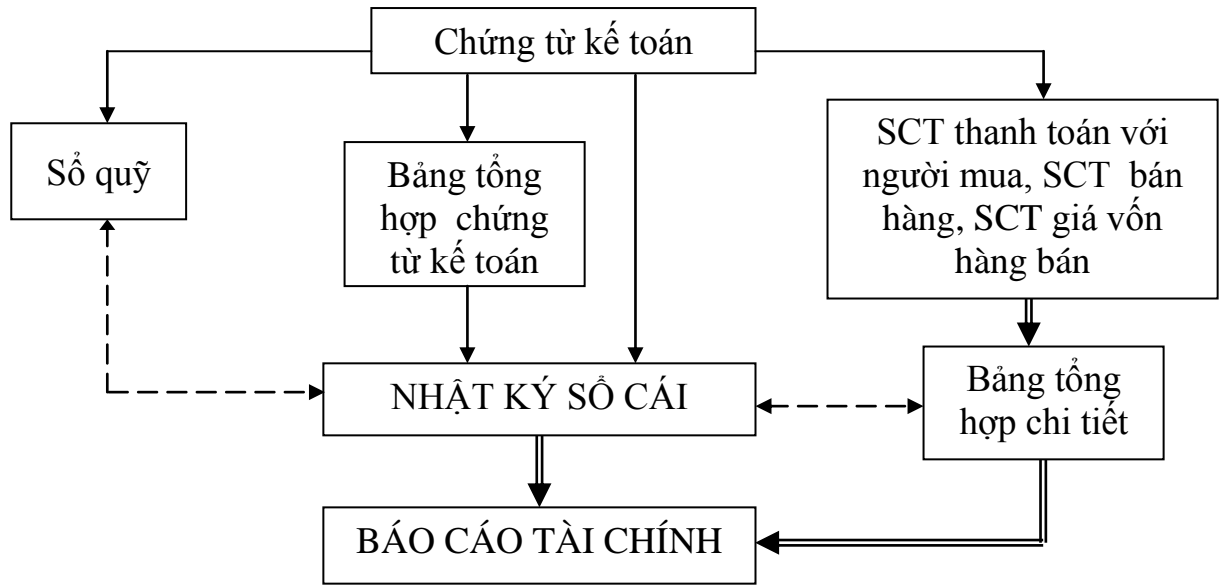
Các hình thức sổ:

Hình thức kế toán Nhật ký chung: Phù hợp với mọi loại hình đơn vị đặc biệt là đơn vị vừa và nhỏ, doanh nghiệp áp dụng kế toán máy. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký, trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo thứ tự thời gian phát sinh và định khoản các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để chuyển ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



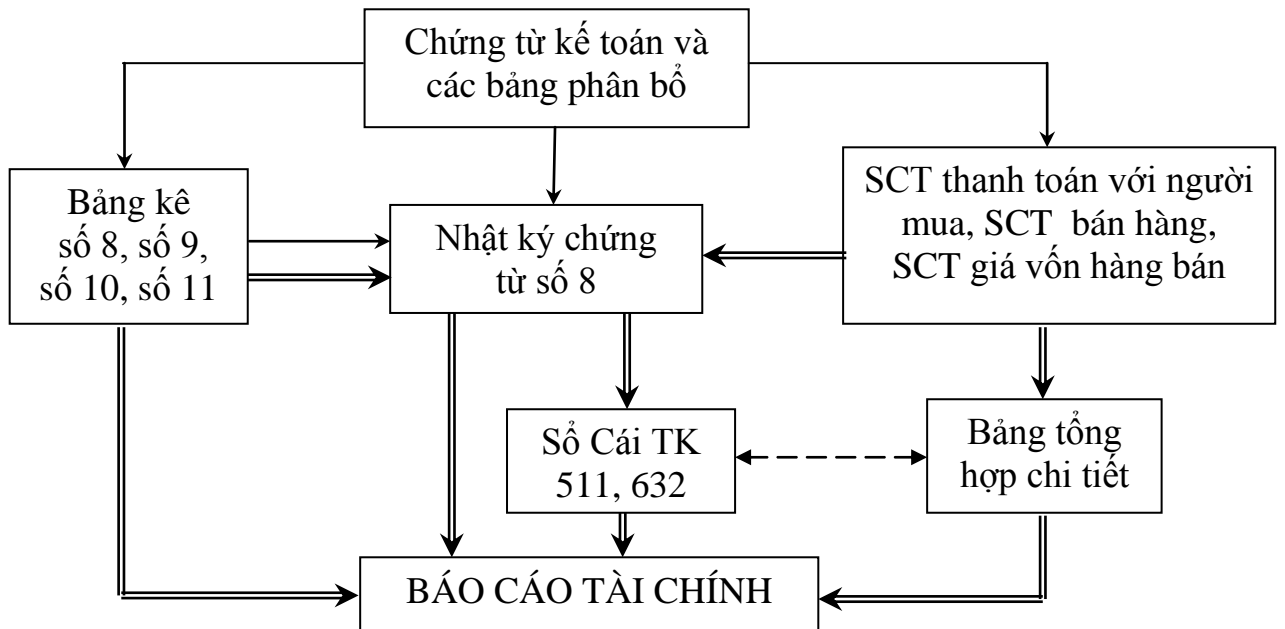
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái: Áp dụng với doanh nghiệp có quy mô nhỏ, khối lượng nghiệp vụ phát sinh ít, doanh nghiệp sử dụng ít tài khoản. Đặc trưng cơ bản của hình thức này là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi theo thứ tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký – sổ cái là các chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc. Tên sổ, kết cấu, cách ghi chép phản ánh vào hệ thống sổ chi tiết được quy định cụ thể tùy theo từng đối tượng.



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ: Áp dụng với doanh nghiệp có quy mô lớn, loại hình kinh doanh phức tạp, phù hợp với doanh nghiệp kế toán thủ công.

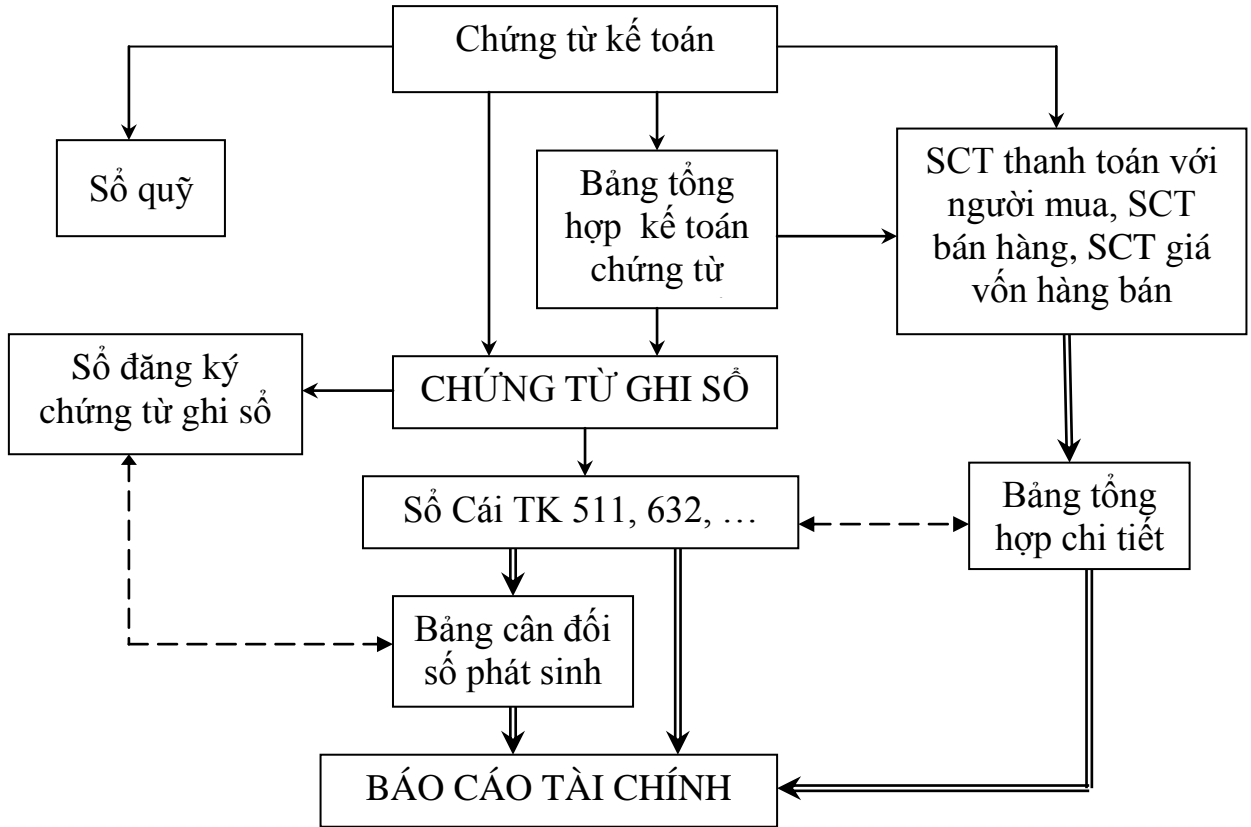


- Ghi chú**
- : Ghi hàng ngày
 - ⇒ : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - ↔ : Đối chiếu, kiểm tra.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp,

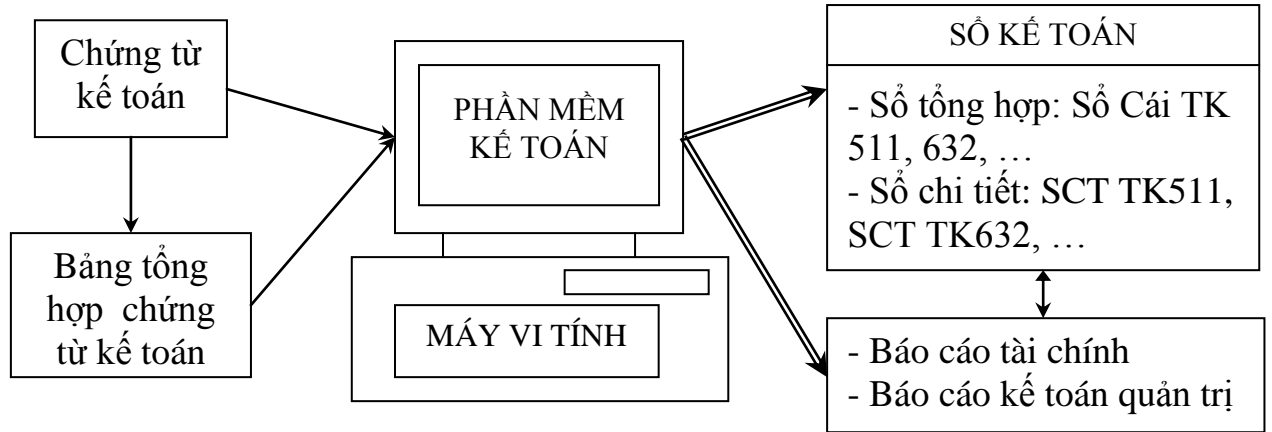
doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

Hình thức kế toán máy: Việc ứng dụng tin học vào công tác kế toán là việc thiết kế các chương trình theo đúng nội dung và trình tự hạch toán và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, phù hợp với đặc điểm, tính chất, hình thức hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo tính đồng bộ và tự động hóa cao, đảm bảo độ tin cậy, an toàn trong công tác kế toán, và nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

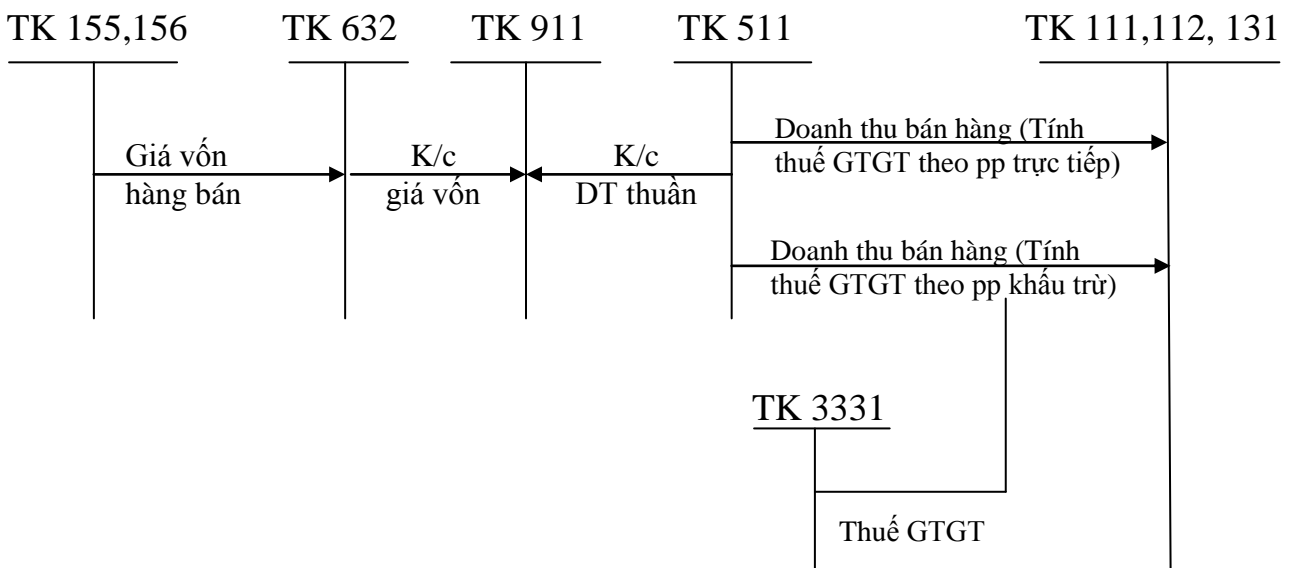


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu

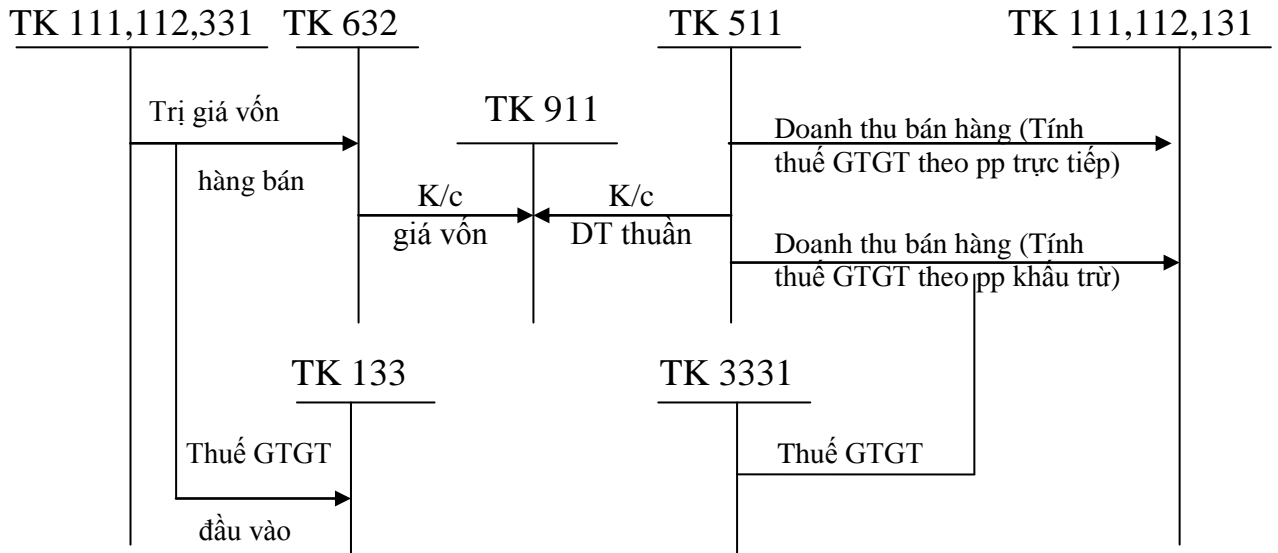
Tóm lại, tùy thuộc vào quy mô, tính chất, đặc điểm và điều kiện kinh doanh cũng như trình độ của kế toán của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn hình thức sổ kế toán sao cho phù hợp nhất.

Sơ đồ hạch toán:

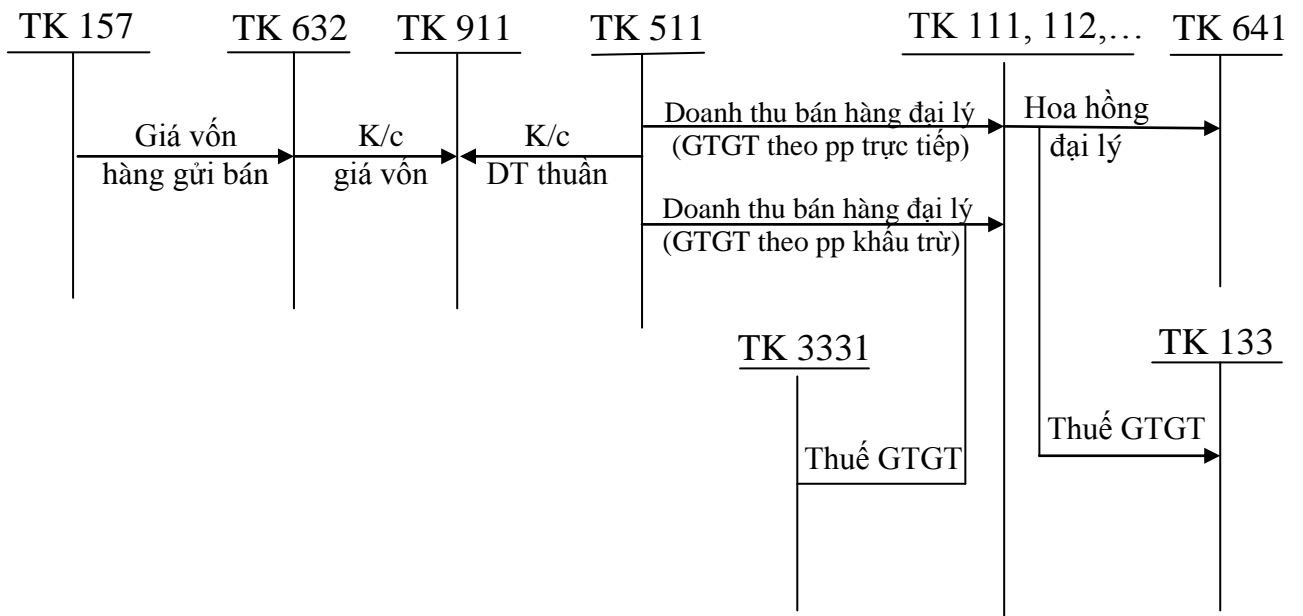
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp:



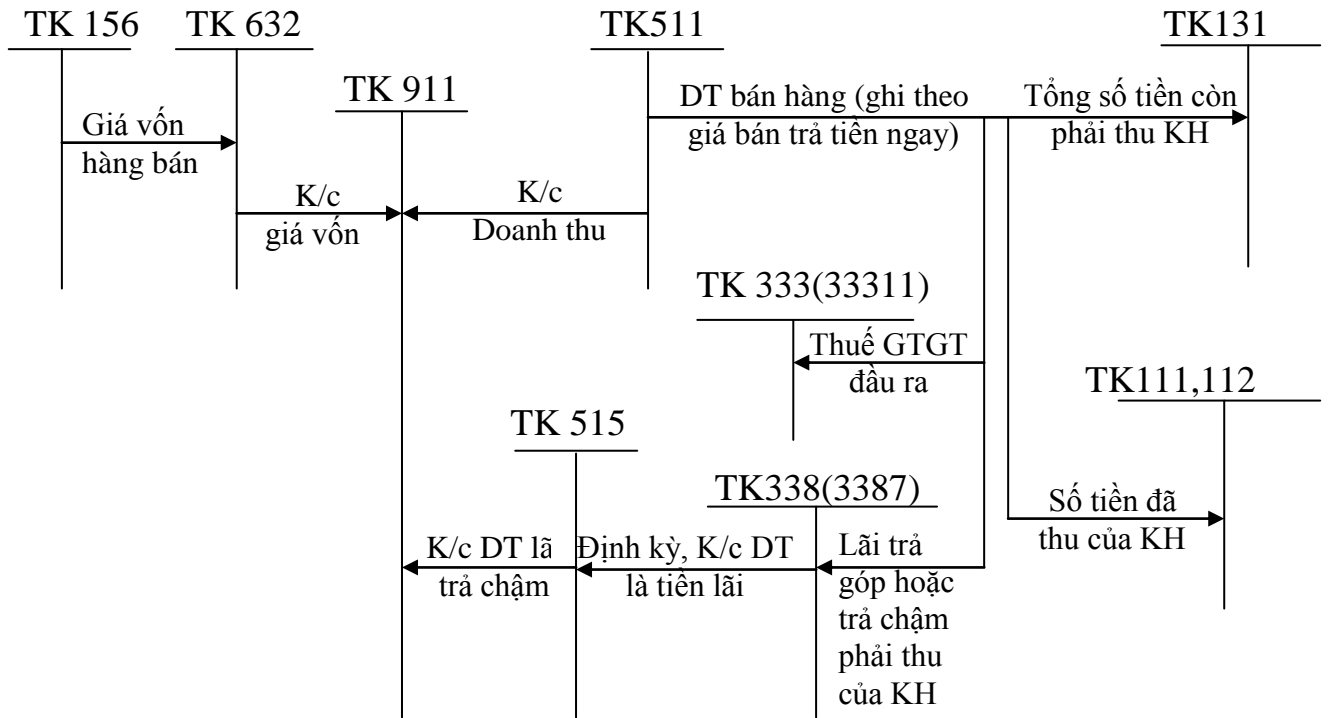
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu, giá vốn theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng.



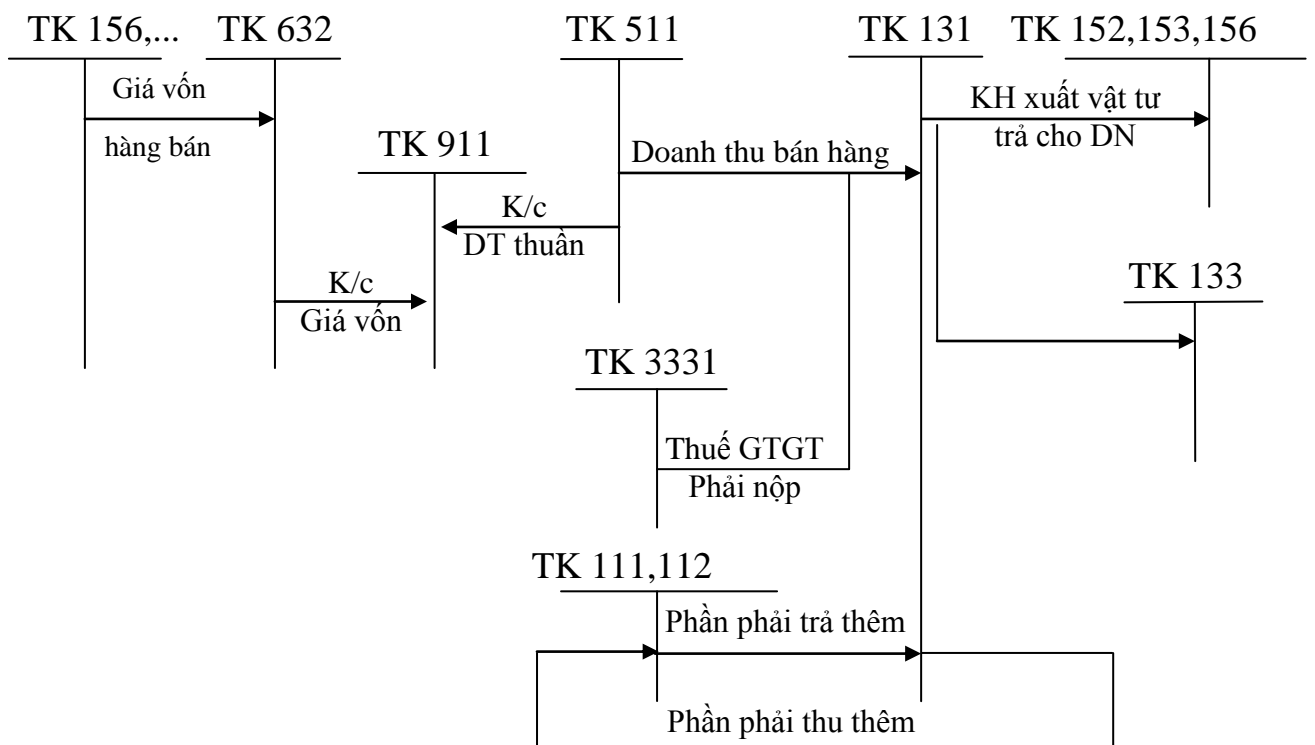
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý ký gửi



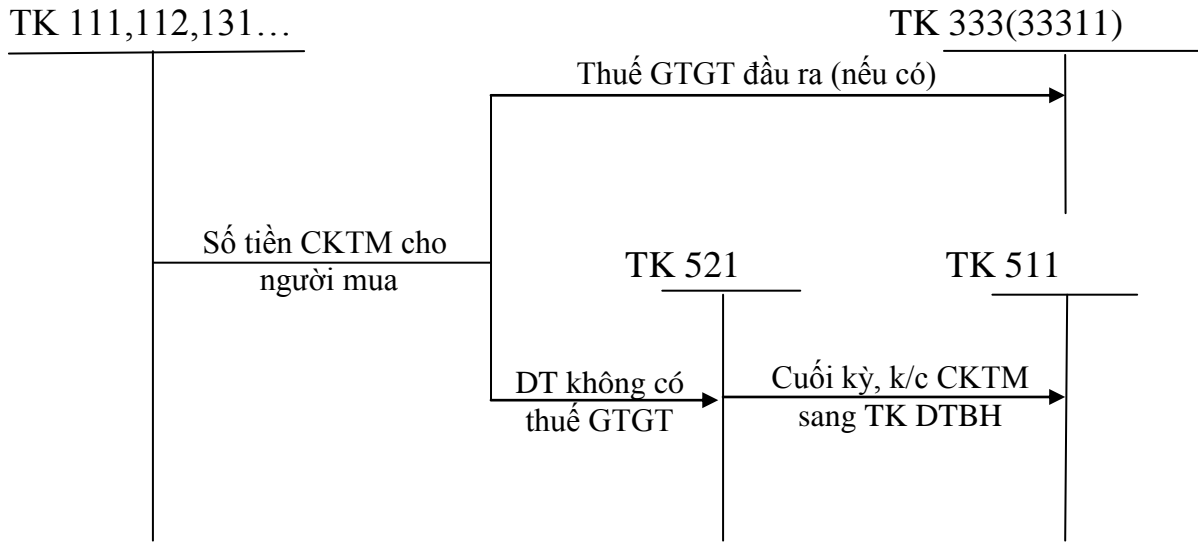
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.



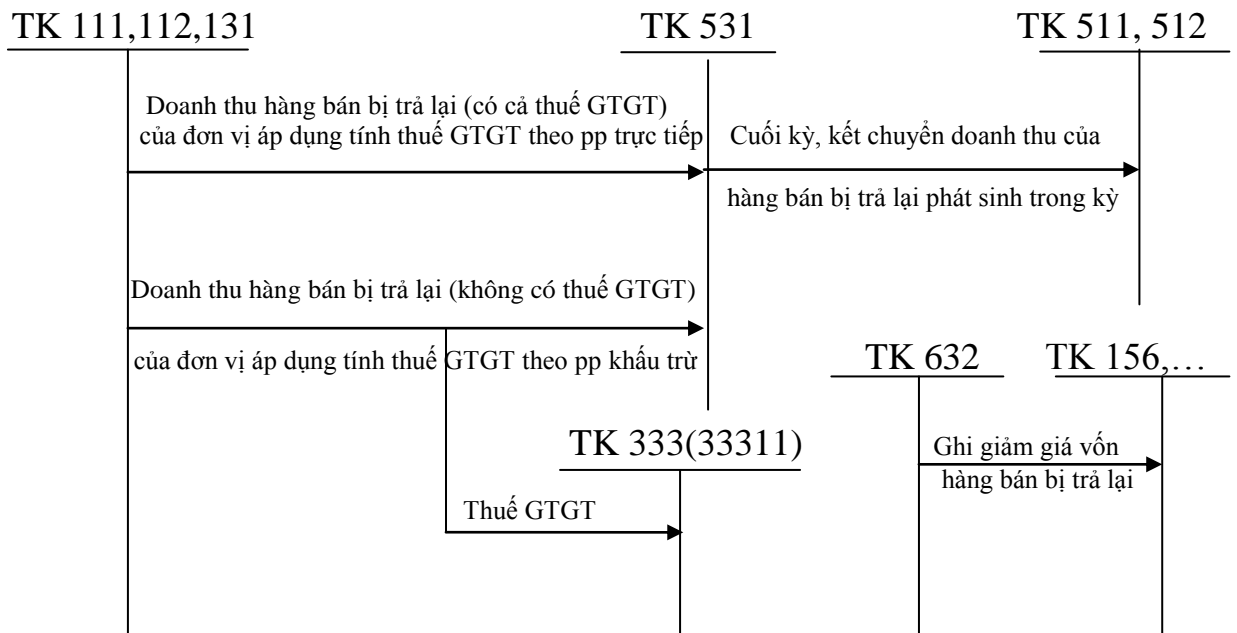
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trao đổi hàng.



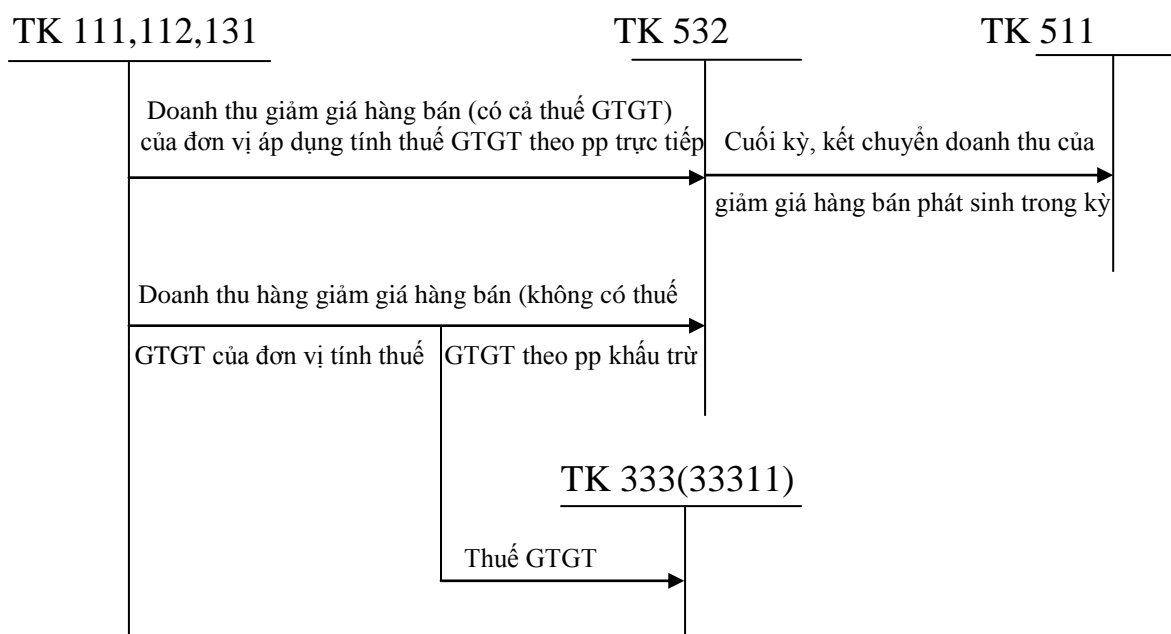
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.4.1.4. Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì kế toán sử dụng các loại chứng từ, sổ sách giống với phương pháp kê khai thường xuyên, chỉ có tài khoản có một số thay đổi như:

Tài khoản sử dụng:

Ngoài các tài khoản mà doanh nghiệp kê khai hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng thêm các tài khoản như sau:

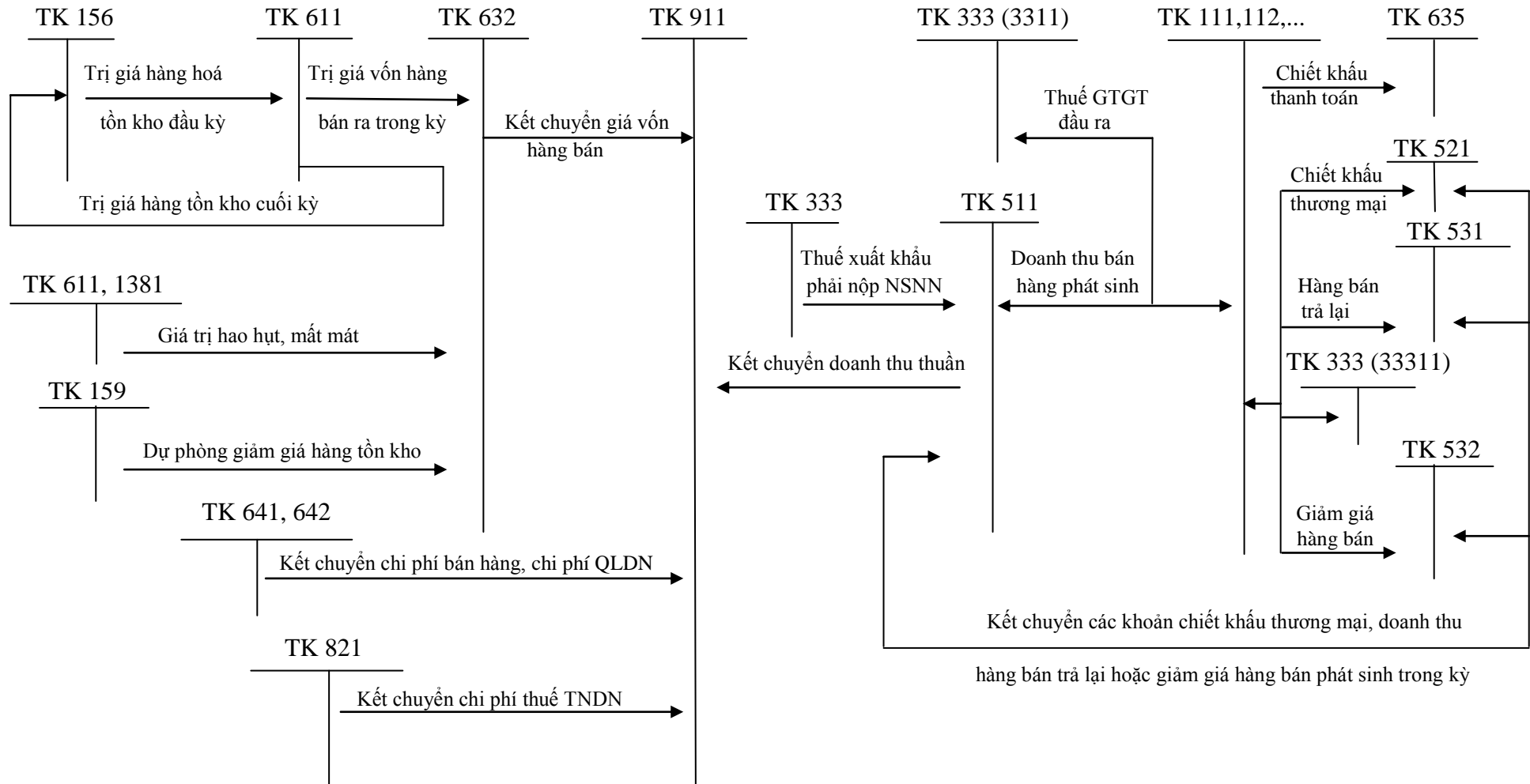
- TK 611: Mua hàng
- TK 631: Giá thành sản xuất

Sổ sách sử dụng:

Giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



1.4.1.5. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.**Chi phí bán hàng:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuê phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng:**TK 641 - Chi phí bán hàng**

- Bên Nợ:
 - + Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.
- Bên Có:
 - + Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có)
 - + Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 641 gồm 07 TK cấp 2:
 - + TK 6411: Chi phí nhân viên
 - + TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì
 - + TK 6413: Chi phí công cụ, đồ dùng
 - + TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - + TK 6415: Chi phí bảo hành

+ TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Bên Nợ:

+ Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

- Bên Có:

+ Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có).

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 642 bao gồm 8 tài khoản cấp 2 sau:

+ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

+ TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

+ TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

+ TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

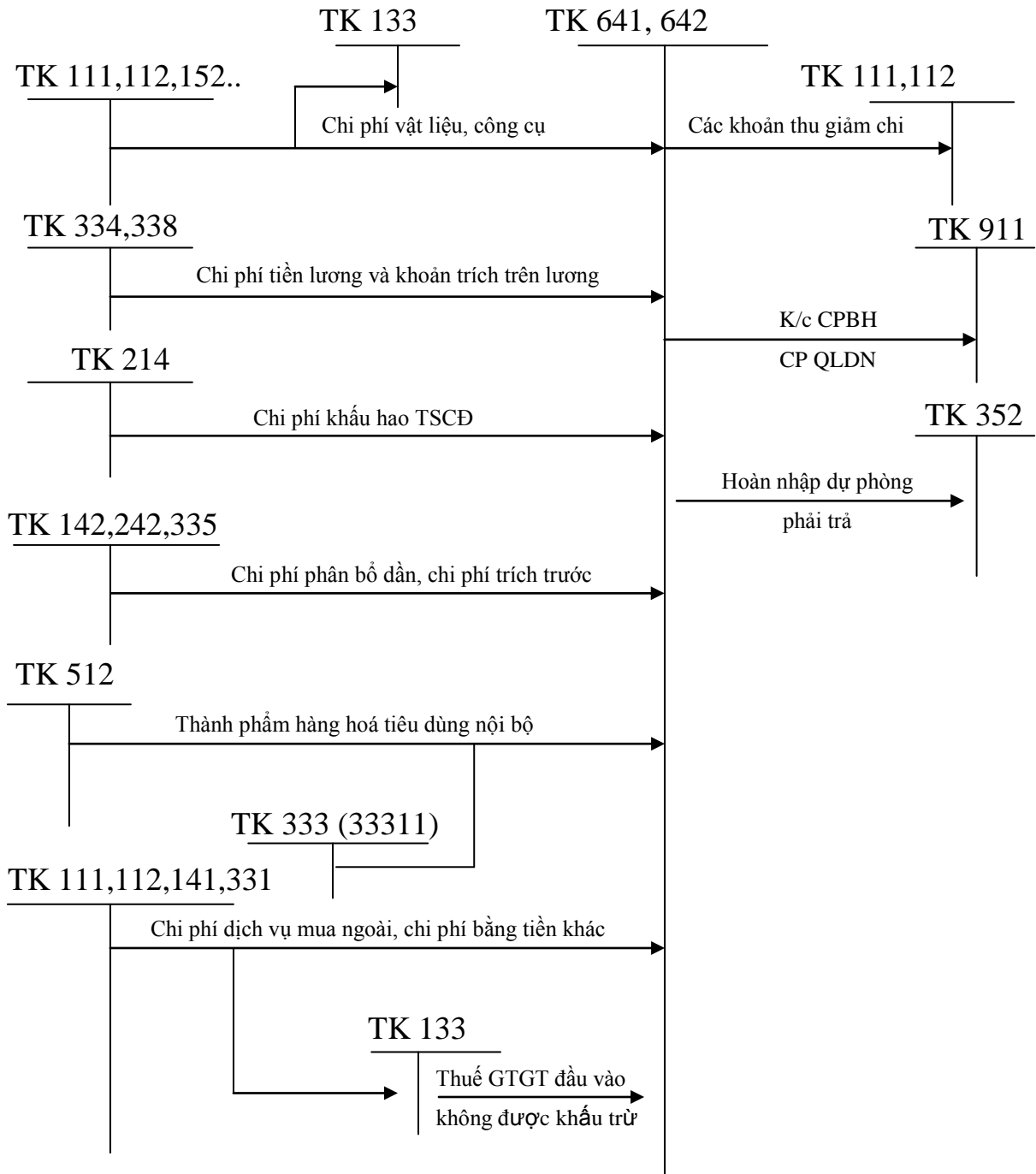
+ TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

+ TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.



1.4.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.

1.4.2.1. Tổ chức công tác kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính và kinh doanh về vốn mang lại như: lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính, ...); cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn...

Tài khoản sử dụng: TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

- Bên Nợ:
 - + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
 - + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Bên Có:
 - + Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.4.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

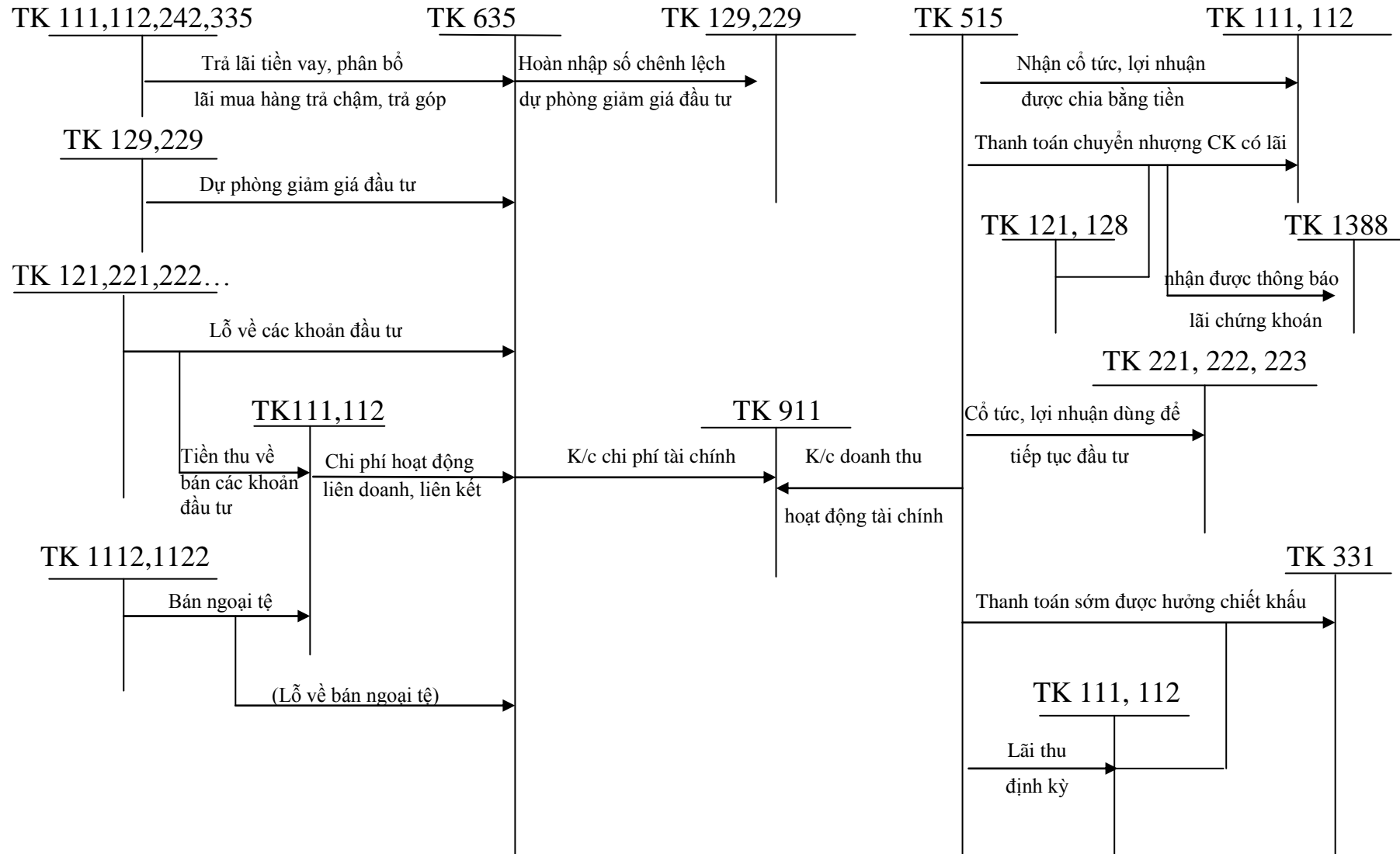
Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí cho thuê tài sản, thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác.

Tài khoản sử dụng: TK 635 - Chi phí tài chính

- Bên Nợ:
 - + Các khoản chi phí hoạt động tài chính;
 - + Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn;
 - + Các khoản lỗ chênh lệch về tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ
 - + Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ
 - + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Bên Có:
 - + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
 - + Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán doanh thu và chi phí tài chính



1.4.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác trong doanh nghiệp.

1.4.3.1. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác.

Thu nhập khác là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, ...

Tài khoản sử dụng: TK 711 - Thu nhập khác

- Bên Nợ:
 - + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
 - + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK911 - Xác định kết quả kinh doanh.
- Bên Có:
 - + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.4.3.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí khác.

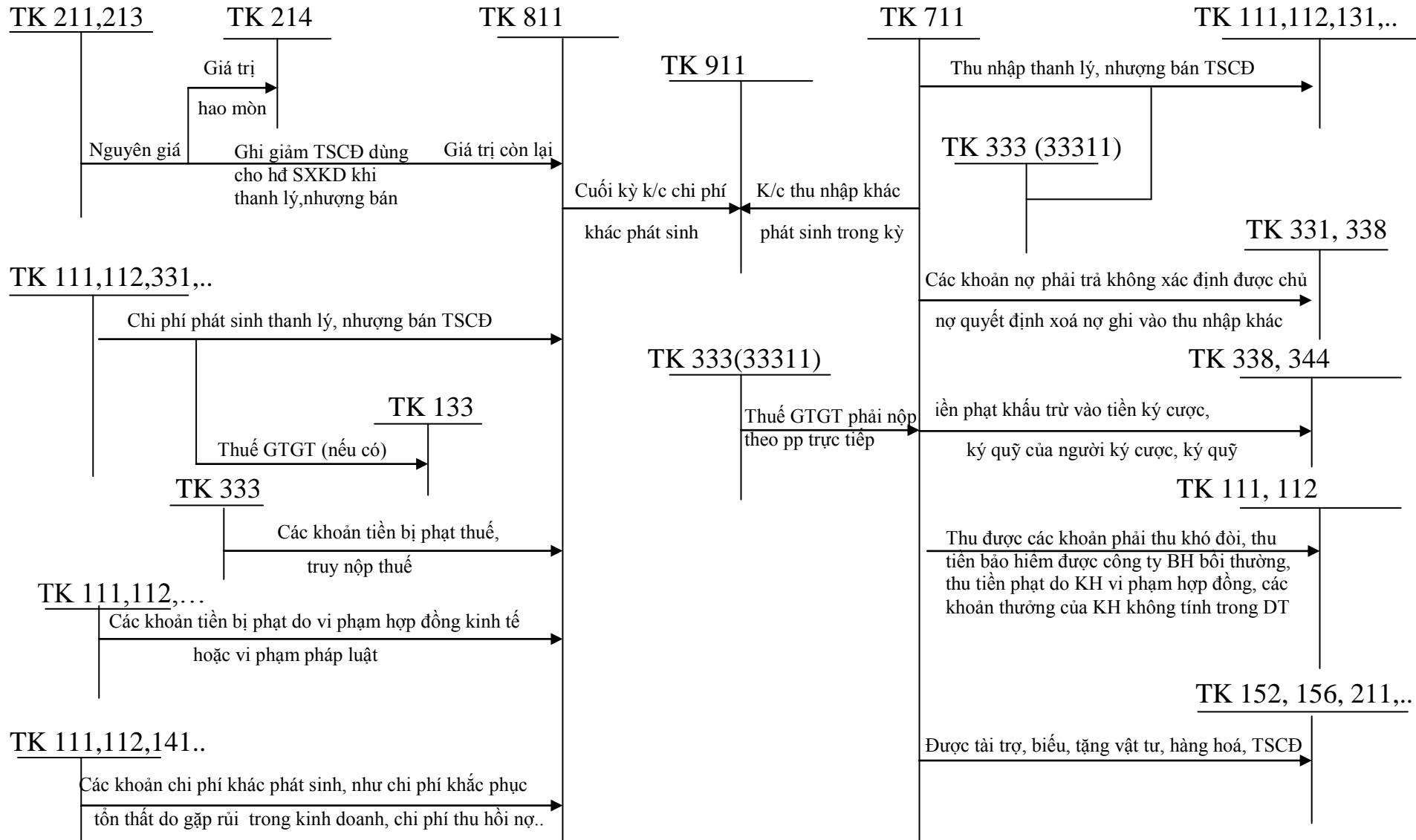
Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như: Chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng.

Tài khoản sử dụng: TK 811 - Chi phí khác

- Bên Nợ:
 - + Các khoản chi phí khác phát sinh
- Bên Có:
 - + Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác



1.4.4. Tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Nguyên tắc hạch toán:

Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

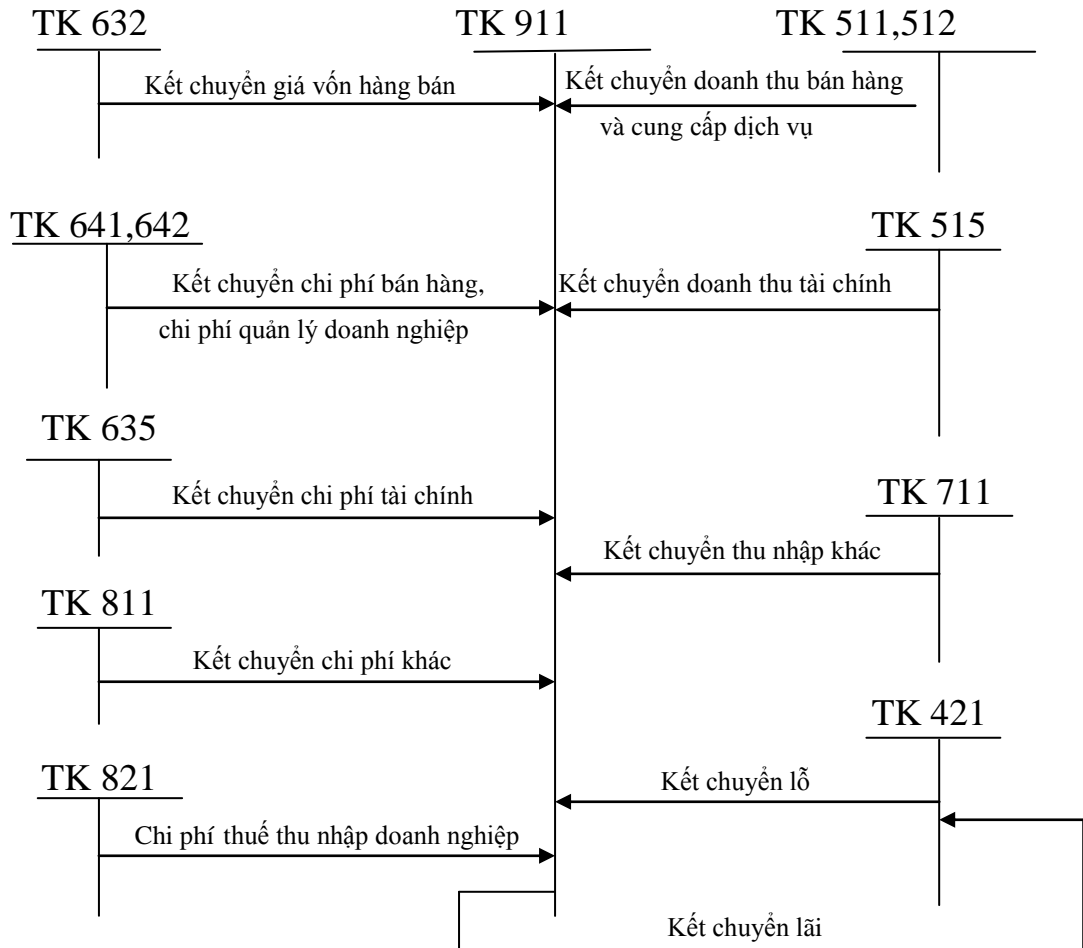
Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

Nội dung kết cấu: TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

- Bên Nợ:
 - + Trị giá vốn của sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.
 - + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
 - + Chi phí tài chính
 - + Chi phí khác
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Lãi sau thuế các hoạt động trong kỳ
- Bên Có:
 - + Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.
 - + Doanh thu hoạt động tài chính
 - + Thu nhập khác
 - + Lỗ về các hoạt động trong kỳ
- Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP VIỆT HOÀNG.

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0203000493 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30/06/2003.

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng
- Tên tiếng Anh: VietHoang industry joint – stock company
- Tên Công ty viết tắt: VIHACO
- Địa chỉ trụ sở chính: xã Tam Hưng – huyện Thủy Nguyên – TP Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3675325
- Fax: 031.3675325
- Email: Vihacojshn.vnn.vn
- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đăng ký kinh doanh: 5,000,000,000 đồng (năm tỷ đồng).
- Ngày 30/06/2005, vốn điều lệ tăng: 20,000,000,000 đồng (hai mươi tỷ đồng)
- Như vậy, đến ngày 25/03/2007 vốn điều lệ tăng lên 70,000,000,000 đồng (bảy mươi tỷ đồng).

2.1.2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng có các ngành nghề kinh doanh chủ yếu như:

- Sản xuất:
 - + In ấn lịch, card, catalogue, tờ quảng cáo, nhãn mác và sản xuất bao bì trên mọi chất liệu.
 - + Sản xuất kinh doanh vật liệu hàn, thuốc hàn

- Thương mại:

+ Cung cấp máy móc, thiết bị, phụ tùng kim khí, thiết bị điện, điện tử, máy tính, thiết bị viễn thông cho các nhà máy đóng tàu thuộc Vinashin như máy phay CNC, máy tiện CNC, máy khoan cần, máy ép thủy lực, máy lốc tôn NC. Đồng thời tư vấn chuyên gia công nghệ các dây chuyền làm sạch tôn, cung cấp các máy phát điện có công suất 1000KVA, các loại dụng cụ, thiết bị nhà xưởng, thiết bị đo, các thiết bị bơm, van, ống của tàu thủy, cung cấp xe chở tổng đoạn, cung cấp máy điều hòa và các dịch vụ bảo dưỡng máy điều hòa.

- Dịch vụ:

+ Vận tải hành khách, hàng hóa thủy bộ: Hiện tại Công ty đang tổ chức cho thuê khoảng 50 xe ô tô từ 35 đến 45 chỗ ngồi phục vụ đưa đón CB - CNV trong Tổng Công ty Nam Triệu và các Công ty thành viên

+ Ngoài ra Công ty còn cung cấp dịch vụ tổ chức sự kiện quan trọng với quy mô lớn cho các Công ty thuộc Vinashin và nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng, cung cấp nước uống tới hiện trường cho công nhân.

Chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Chất lượng sản phẩm luôn được Công ty chú trọng nhằm tạo dựng uy tín và niềm tin lâu dài đối với khách hàng tiêu thụ. Chính sách của Công ty là đem lại chất lượng tốt nhất cho người tiêu dùng thông qua nghiên cứu thiết kế sản phẩm với mẫu mã và kiểu dáng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Công ty thực hiện kế hoạch đánh giá chất lượng nội bộ, nghiên cứu cải tiến hệ thống thiết bị theo đúng tình hình thực tế sản xuất kinh doanh. Đối với từng lĩnh vực có nhóm thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm sản xuất ra và sản phẩm nhập về mang đi tiêu thụ. Tất cả các cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm với công việc của mình cũng như được tạo điều kiện để chủ động tham gia vào các hoạt động cải tiến và đóng góp vào nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng đang sử dụng. Công ty VIHACO đang từng bước xây dựng thương hiệu của bản thân với mong muốn có thể mở rộng thị trường, để có thể cung cấp sản phẩm cũng như dịch vụ của Công ty tới các thị trường trong cả nước.

Quy trình công nghệ

Hệ thống máy móc và trang thiết bị của Công ty là các loại máy in phục vụ chủ yếu cho công tác sản xuất in bao bì, in ấn lịch, tờ quảng cáo, nhãn mác, máy sản xuất tấm lợp mạ màu. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, dẫn theo đó là thu nhập và thẩm mỹ của con người ngày càng được nâng cao nhất là trong các ấn phẩm nói riêng và nền công nghiệp in ấn nói chung. Để cạnh tranh với các sản phẩm trên thị trường Công ty phải thường xuyên thay đổi các loại máy móc hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn ngành đề ra, đáp ứng đa dạng nhu cầu khách hàng đảm bảo về chất lượng, đa dạng về chủng loại mà vẫn phù hợp về giá cả.

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

2.1.3.1. Chức năng

Là doanh nghiệp thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, có tài khoản tại ngân hàng và có con dấu theo quy định của pháp luật.

Kinh doanh những ngành nghề đã đăng ký kinh doanh của Công ty và những ngành nghề theo quy định của pháp luật.

Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước.

Tuyển chọn thuê mướn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng theo quy định của Bộ luật lao động.

Phát hành, chuyên nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật.

Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Công ty được thành lập để huy động vốn có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; đóng góp cho ngân sách Nhà nước; tăng lợi tức cho các cổ đông và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Ngành nghề chính của Công ty bao gồm: Sản xuất tấm lợp mạ màu; In ấn lịch, catalogue, tờ quảng cáo, nhãn mác và sản xuất bao bì trên mọi chất liệu; Sản xuất kinh doanh vật liệu hàn, thuốc hàn; Sửa chữa, đóng mới tàu biển; Cho thuê tàu trần, tàu định hạn. Chế tạo kết cấu thép, cáp thép; Kinh doanh nhà ở, bất động sản, ô tô, máy móc, thiết bị phụ tùng. Kim khí thiết bị điện, điện tử, máy tính, thiết bị viễn thông, điện thoại, xe máy; Kinh doanh du lịch, khách sạn, cho thuê văn phòng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện dân dụng, công nghiệp, cầu cảng, bến bãi, cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng, nạo vét sông hồ; Sản xuất và gia công cơ khí; Vận tải hành khách, hàng hóa thủy bộ; Nuôi trồng thủy sản, gia cầm, lợn siêu nạc và sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

2.1.3.2. Nhiệm vụ

Đăng ký kinh doanh và kinh doanh ngành nghề đã đăng ký chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.

Xây dựng chiến lược phát triển kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ hạch toán, kế toán thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo tài chính của Công ty.

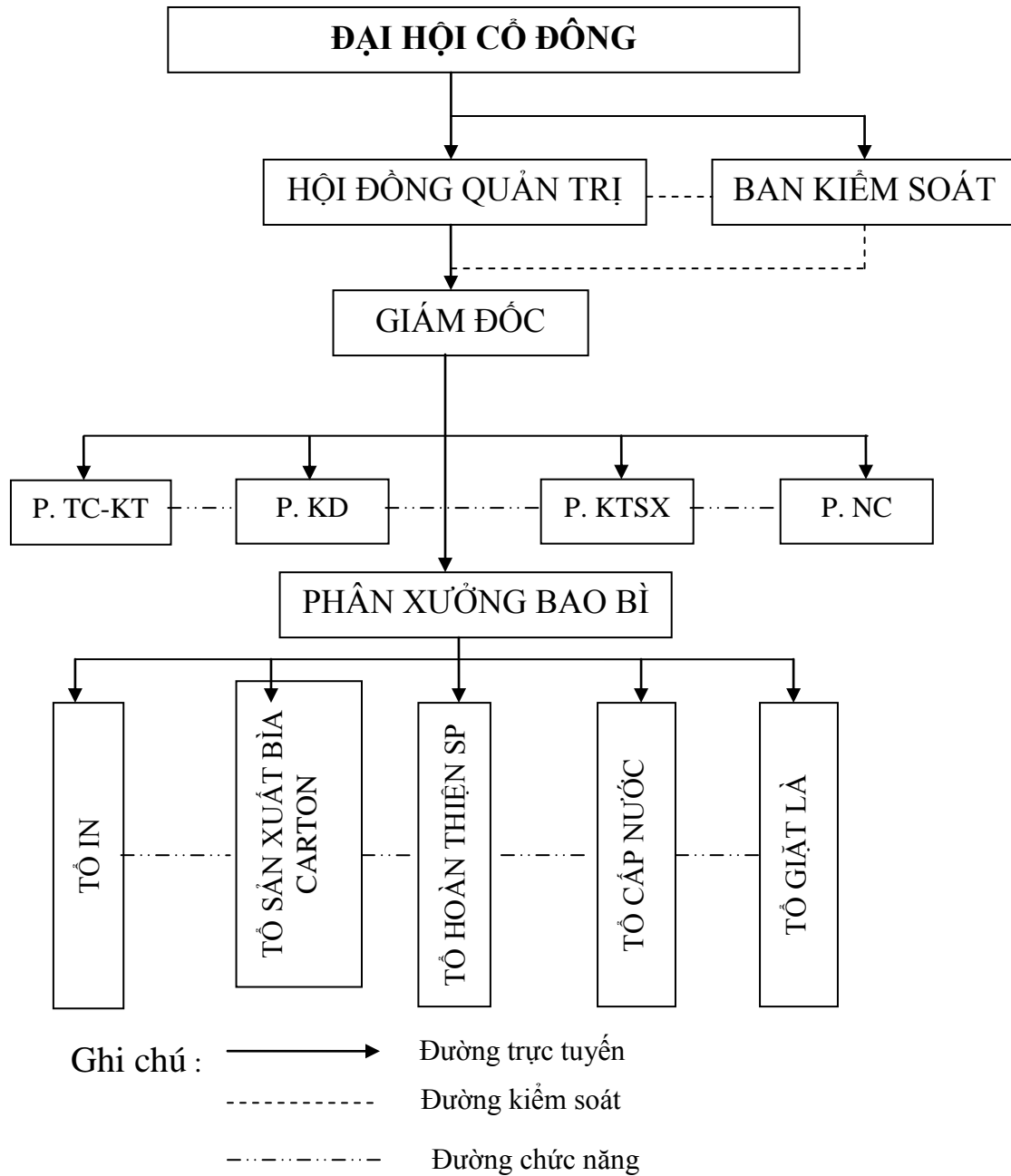
Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh

Để điều hành quá trình sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho sản xuất diễn ra liên tục và có hiệu quả, đối phó được những biến động của thị trường Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng, kết hợp sự chỉ huy trực tiếp của các cấp lãnh đạo hành chính trong Công ty và sự chỉ đạo nghiệp vụ của các nhân viên chức năng các cấp.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn phòng Nhân chính - Công ty VIHACO)

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) quyết định những vấn đề được Luật doanh nghiệp 2005 và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ). Số thành viên của HĐQT có từ 05 đến 11 thành viên. Hiện tại HĐQT Công ty có 05 thành viên, với nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 5 năm.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 5 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban giám đốc.

Giám đốc Công ty:

- Chỉ đạo và điều hành mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý và điều hành Công ty.
- Trực tiếp điều hành và chỉ đạo: Công tác TC-KT, công tác tổ chức sản xuất, kinh doanh và đầu tư, công tác tìm kiếm đối tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Thực hiện các liên doanh, liên kết, công tác nội chính của Công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán:

- Phòng Tài chính kế toán là phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc Công ty trong tổ chức hạch toán kế toán, quản lý tài sản tiền vốn, xây dựng, quản lý và thực hiện kế hoạch tài chính của Công ty.
- Xây dựng và trình Giám đốc Công ty ban hành các quy định, chế độ, quy trình nghiệp vụ về hạch toán kế toán.
- Lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo tài chính toàn Công ty.
- Lập đầy đủ và kịp thời các báo cáo quyết toán theo đúng quy định. Lập kế hoạch tài chính tháng, quý, năm để kịp thời vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Phân tích hiệu quả kinh tế tài chính, khả năng sinh lời của các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Phòng Kinh doanh:

- Phòng Kinh doanh là phòng có chức năng tham mưu và giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác kinh doanh, kế hoạch hóa, báo cáo thống kê, đầu tư xây dựng cơ bản và kế hoạch phát triển sản phẩm, nghiên cứu thị trường và chăm sóc khách hàng. Tham mưu cho giám đốc trong công tác mua sắm vật tư và máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.
- Xây dựng phương án kinh doanh theo từng thời kỳ. Tìm kiếm khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm.
- Phân tích điểm mạnh, điểm yếu về sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
- Tổ chức nghiên cứu, xây dựng đề án triển khai các sản phẩm kinh doanh mới
- Xây dựng chính sách giá.

Phòng Kỹ thuật – sản xuất:

- Phòng Kỹ thuật sản xuất là phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức sản xuất và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tiến độ sản xuất sản phẩm đã đề ra.
- Quản lý mảng kỹ thuật, thiết bị trong Công ty. Tham gia quản lý về công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, xây dựng và theo dõi định mức kinh tế kỹ thuật. Tham gia công tác kiểm định bảo trì, bảo dưỡng thiết bị nội bộ.

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có, phát triển sản phẩm mới.

Phòng Nhân chính:

Phòng Nhân chính là phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động, công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động Công ty.

Phòng xưởng Bao bì:

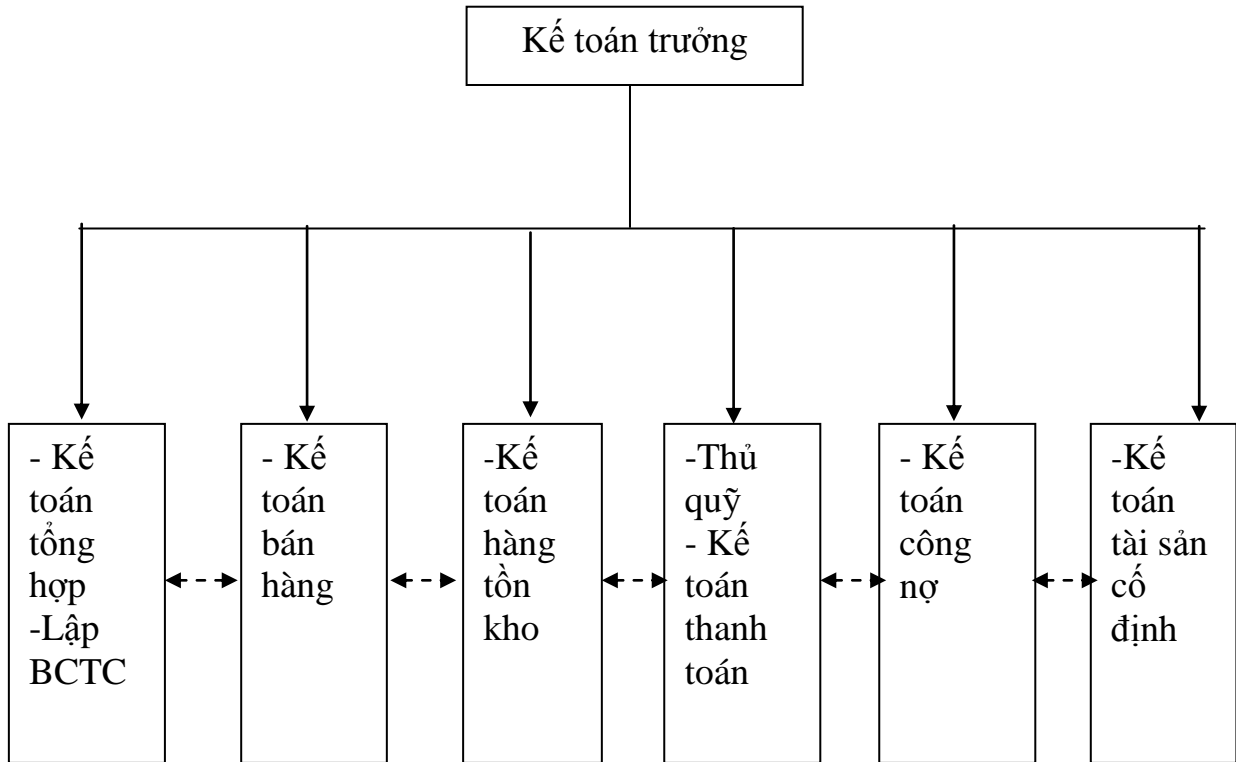
- Tổ chức sản xuất theo kế hoạch của phòng Kỹ thuật sản xuất.
- Sản xuất in ấn các loại bao bì carton, duplex, các sản phẩm in.
- Tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ, tổ chức sự kiện, cấp nước hiện trường và giặt quần áo bảo hộ lao động cho CB - CNV.

2.1.5. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.***2.1.5.1. Mô hình bộ máy kế toán***

Công ty CPCN Việt Hoàng là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng tại ngân hàng Công Thương. Công ty hoàn toàn tự chủ về kinh tế, tài chính.

Phòng Kế toán - tài chính của Công ty có chức năng quản lý, giám sát để phản ánh kịp thời, chính xác mọi hoạt động của Công ty và tình hình sử dụng tài sản, nguồn vốn, thực hiện đúng theo nguyên tắc chế độ của ngành và của Nhà nước. Kế toán Công ty có nhiệm vụ theo dõi riêng cá thể công ty và các đơn vị thành viên để lên báo cáo quyết toán Công ty, cung cấp số liệu đáng tin cậy để ban giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh và ra quyết định đúng đắn.

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, phòng kế toán tài chính của Công ty được tổ chức hợp lý với 7 kế toán. Các nhân viên trong phòng đều đã qua đào tạo chuyên ngành kế toán.



Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện thống nhất công tác kế toán và thống kê, đồng thời kiểm soát tình hình kinh tế tài chính tại đơn vị. Phụ trách chung điều hành công việc trong phòng đáp ứng yêu cầu kinh doanh, điều hành vốn, cân đối trong toàn Công ty.
- **Kế toán tổng hợp:** Giúp việc cho kế toán trưởng, sau khi các bộ phận đã lên báo cáo, kế toán tổng hợp kiểm tra xem xét tất cả các chỉ tiêu đó, xác định kết quả sản xuất kinh doanh, điều hành và giải quyết công việc lúc kế toán trưởng đi vắng, lập báo cáo kế toán định kỳ.
- **Kế toán bán hàng:** Theo dõi và hạch toán toàn bộ hoạt động bán hàng của công ty, bao gồm: xuất bán cho các đơn vị trong nước, xuất khẩu, bán buôn, bán lẻ, bán đại lý, bán trả góp.

- **Kế toán hàng tồn kho:** Theo dõi và hạch toán các hoạt động nhập khẩu và tồn kho hàng hóa ở tất cả các kho của Công ty. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, tồn kho lấy theo số thực tế tại phòng kế toán.

- **Thủ quỹ:** chịu trách nhiệm về quỹ tiền mặt, ngoại tệ, ngân phiếu của Công ty, có trách nhiệm thu, chi số tiền trên phiếu thu, phiếu chi. Phát hiện tiền giả do khách hàng trả, nếu nhầm lẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường.

- **Kế toán thanh toán:** Theo dõi và hạch toán vốn bằng tiền, thanh toán với ngân hàng, Nhà nước và người lao động.

- **Kế toán công nợ:** Chịu trách nhiệm theo dõi tình hình công nợ, nguồn vốn.

- **Kế toán TSCĐ:** Chịu trách nhiệm theo dõi tình hình tăng giảm tài sản của Công ty trong quá trình hoạt động và tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo quy định của BTC.

Việc lập chứng từ ban đầu, hạch toán các chứng từ và ghi chép trên các bảng biểu, sổ sách kế toán được tiến hành thống nhất theo quy định chung của Nhà nước, thống kê quyết toán và lập báo cáo theo quy định hiện hành. Việc phân tích các hoạt động kinh tế tài chính của Công ty tiến hành thường xuyên theo quý, tổng kết theo năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm.

2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

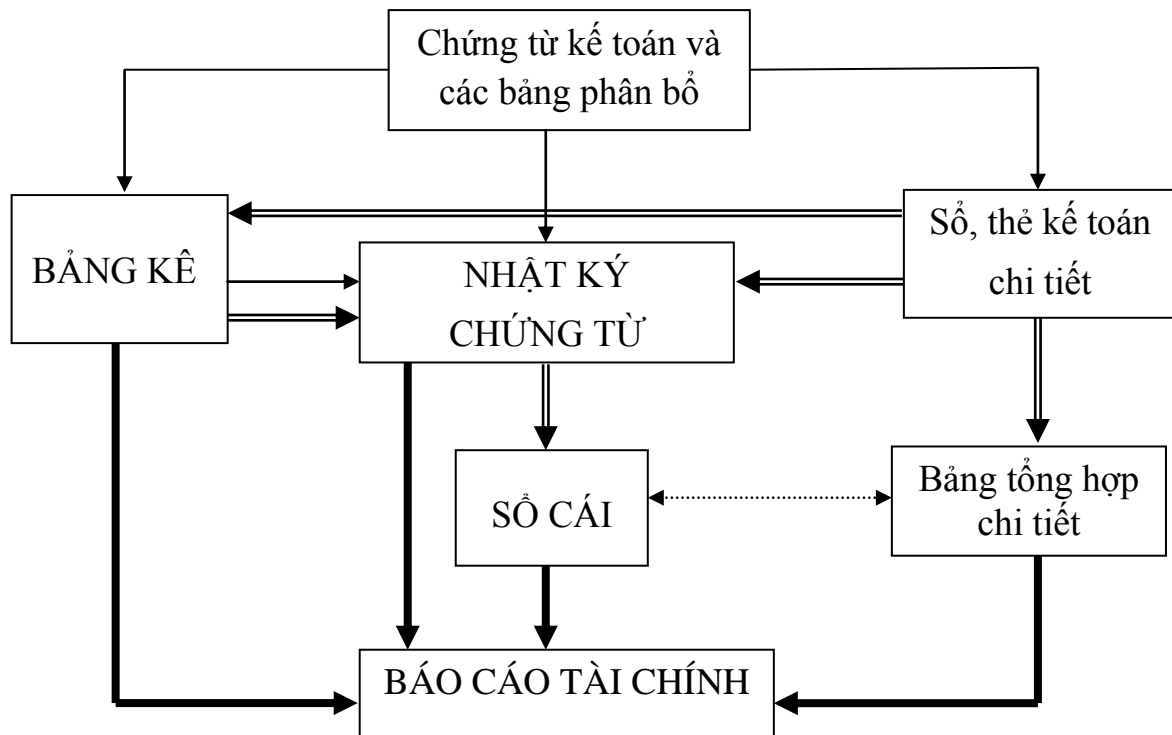
- Công ty áp dụng chế độ kế toán theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
- Hình thức kế toán áp dụng: Theo hình thức “Nhật ký - Chứng từ”
- Tổ chức hạch toán kế toán: Hạch toán độc lập
- Chứng từ kế toán: Chứng từ kế toán do phòng tài chính kế toán Công ty hạch toán, và được lưu tại phòng tài chính kế toán Công ty
- Nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ thuế
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp xác định giá trị vật tư: Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 của năm, kết thúc vào ngày 31/12 được chia thành 4 kỳ hạch toán.
- Chế độ báo cáo tài chính: Theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Việt Nam đồng (VNĐ)

2.1.5.3. Trình tự ghi sổ kế toán

Đề phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của nhà máy là rất phức tạp, khối lượng công việc lớn, cùng với việc chuyên môn hoá trong công tác kế toán cao nên Nhà máy đã áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký- Chứng từ”

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ:



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- ====> : Ghi cuối tháng
- ◄-----> : Đối chiếu, kiểm tra.
- > : Ghi cuối quý

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán và các bảng phân bổ để kế toán vào các bảng kê và Nhật ký – Chứng từ đồng thời lập Sổ và Thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng

hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của Nhật ký – Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.

- Đồng thời tại thời điểm cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký - Chứng từ để vào Sổ cái tài khoản, tổng hợp số liệu từ sổ và thẻ kế toán chi tiết để vào Bảng tổng hợp chi tiết.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán còn tiến hành đối chiếu, kiểm tra giữa Sổ tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối quý, tổng cộng ở Sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.1.5.4. Tổ chức báo cáo kế toán tài chính tại Công ty.

Các báo cáo tài chính tại Công ty được thực hiện theo từng quý, hệ thống báo cáo tài chính sử dụng ở Công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

2.2.1.1. Đặc điểm và phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.

Do đặc thù sản phẩm của Công ty là thiết kế và in ấn các sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng và kinh doanh thương mại là chính nên Công ty chỉ thực hiện kênh tiêu thụ trực tiếp. Nhân viên của Công ty sẽ trực tiếp nhận yêu cầu từ khách hàng và giải quyết các yêu cầu đó.

- Đối với sản phẩm sản xuất Công ty nhận sản xuất theo mẫu mã của khách hàng giao hoặc cùng với khách hàng thiết kế ra những mẫu sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Với những khách hàng mới Công ty giới thiệu, tư vấn cho khách hàng các mẫu sản phẩm sẵn có để khách hàng lựa chọn.

- Đối với những sản phẩm dịch vụ Công ty thường xuyên tiếp thu ý kiến phản hồi từ khách hàng, sẵn sàng cung cấp cho khách hàng những thông tin cần thiết, có thái độ phục vụ niềm nở, nhanh chóng và lịch sự.

- Đối với việc cung cấp máy móc thiết bị Công ty đều cử các chuyên gia lắp đặt và thử nghiệm cho đến khi máy móc đi vào hoạt động ổn định, cung cấp tài liệu kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng đầy đủ, bảo hành sản phẩm theo đúng quy định của nhà sản xuất đồng thời cung cấp các phụ tùng thay thế và dịch vụ sửa chữa nếu khách hàng có yêu cầu.

- Việc nhân viên của Công ty tiếp xúc trực tiếp với khách hàng sẽ dễ dàng tiếp thu được những yêu cầu, phản hồi của khách hàng 1 cách chính xác nhất từ đó nhanh chóng có biện pháp giải quyết vướng mắc, phục vụ khách hàng tốt hơn đồng thời có điều kiện thắt chặt mối quan hệ với bạn hàng.

Hình thức thanh toán:

Sẽ được thực hiện theo hợp đồng đã ký kết giữa 2 bên. Đối với các giao dịch có trị giá nhỏ khách hàng thường thanh toán ngay bằng tiền mặt, còn những giao dịch có giá trị lớn hoặc khách hàng ở xa thì thường thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

Thị trường đầu vào:

Thị trường đầu vào đối với nguyên vật liệu sản xuất là một số công ty lớn có uy tín ở thành phố Hà Nội.

Đối với các loại máy móc thiết bị chuyên dùng cho ngành đóng tàu hầu hết là thị trường ngoại: Trung Quốc, Mỹ, Đức, Đài Loan, Malaysia,...

Thị trường đầu ra:

Thị trường truyền thống của Công ty là các Công ty thuộc Vinashin trải dài từ Bắc đến Nam.

2.2.1.2. Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT – 3LL) là mẫu của cục thuế hướng dẫn. Căn cứ theo yêu cầu của khách hàng gửi Công ty, phòng kinh doanh xem xét và ký kết các hợp đồng kinh tế theo các quy định của Công ty đề ra. Sau khi hoàn thành các hạng mục, công trình thì phòng kinh doanh lập các hoá đơn GTGT tương ứng với các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Hóa đơn giá trị gia tăng được lập thành 3 liên:

- + Liên 1 (màu tím): Lưu tại cuống
- + Liên 2 (màu đỏ): Giao cho khách hàng.
- + Liên 3 (màu xanh): Luân chuyển nội bộ
- Phiếu xuất
- Hợp đồng mua bán hàng hoá
- Giấy báo Có tiền gửi ngân hàng
- Phiếu thu.
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

2.2.1.3. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết TK131, 511
- Sổ tổng hợp chi tiết TK 131, 511
- Nhật ký chứng từ số 8
- Bảng kê số 1, 2, 11
- Sổ cái các TK 131, 511, 333
- Các sổ sách có liên quan (nếu có).

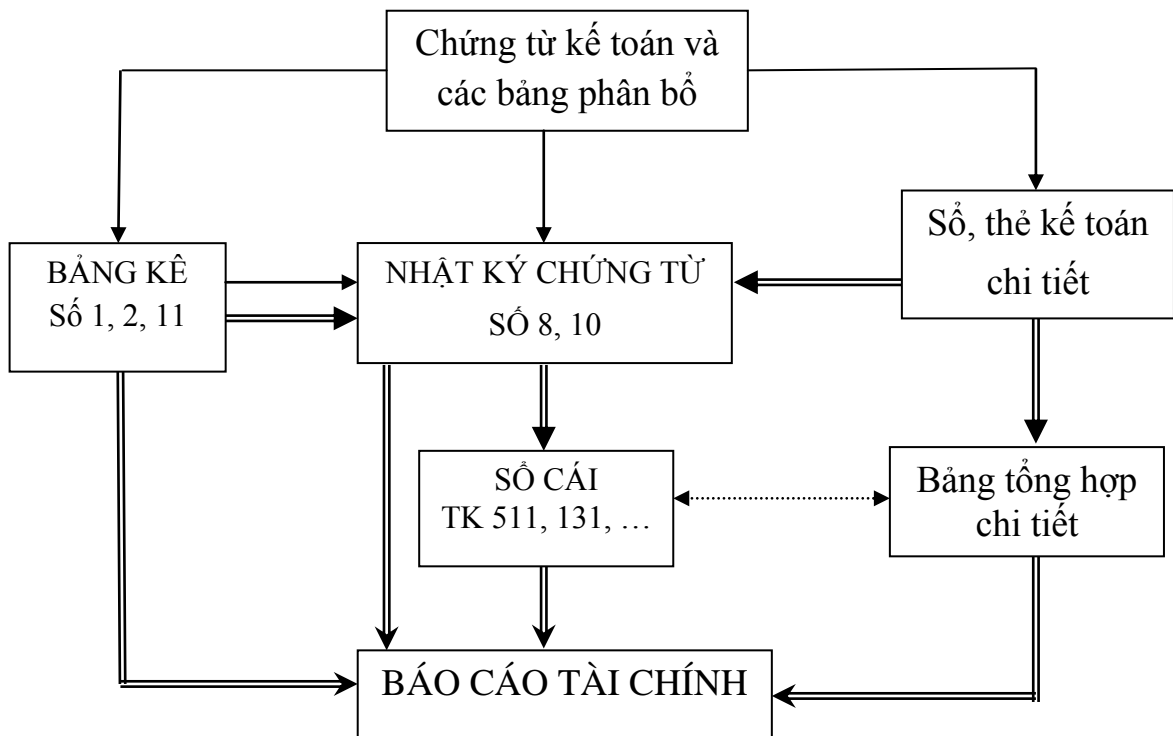
2.2.1.4. Tài khoản sử dụng

- TK 131 – Phải thu khách hàng.
- TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra phải nộp.
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK 5111 – Doanh thu hoạt động sản xuất
 - + TK 5112 – Doanh thu hoạt động thương mại
 - + TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Các TK khác có liên quan: 111, 112, ...

2.2.1.5. Quy trình hạch toán

- Đối với hoạt động bán hàng, trước hết căn cứ vào hợp đồng mua bán (nếu có) hoặc căn cứ vào thoả thuận mua bán của khách hàng, cán bộ quản lý kho viết Phiếu xuất kho rồi gửi lên phòng kế toán để làm căn cứ viết Hoá đơn GTGT
- Đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ, kế toán cũng căn cứ vào các hợp đồng về cung ứng dịch vụ để làm quyết toán và viết hoá đơn GTGT cho khách hàng khi kết thúc hợp đồng.
- Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Phiếu xuất để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán.

Quy trình hạch toán được mô tả như sau:



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng
- ◄-----> : Đối chiếu, kiểm tra.

- Hàng ngày, căn cứ vào các hoá đơn GTGT, lập Bảng kê chi tiết bán hàng.
- Cuối tháng, căn cứ vào các Bảng kê chi tiết bán hàng, kế toán lập sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 511; Bảng kê số 11, Nhật ký chứng từ số 8.
- Từ các sổ chi tiết, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết; NKCT và Bảng kê vào sổ cái TK 511,131.
- Từ số liệu sổ cái các TK và Bảng tổng hợp chi tiết TK để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 01: *Doanh thu hoạt động sản xuất*

Ngày 24/12/2010 HĐ GTGT 0061090 bán lịch treo tường, lịch để bàn và thiệp chúc mừng năm mới cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Nam Triệu. Tổng số tiền thanh toán là 21,154,100 đồng, thuế GTGT 10%.

Ví dụ 02: *Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ*

Ngày 31/12/2010 HĐ GTGT số 0061097 về dịch vụ tổ chức sự kiện “Hội thao phòng cháy chữa cháy” cho Công ty TNHH MTV Tổng công ty CNTT Nam Triệu. Với tổng số tiền thanh toán là 15,909,850 đồng. Thuế GTGT 10%.

Theo 2 ví dụ trên kế toán làm như sau:

- Kế toán viết hoá đơn GTGT (Biểu số 2.1, Biểu số 2.2)
- Kế toán lập Bảng kê chi tiết bán hàng (Biểu số 2.3)
- Bảng kê số 11 (Biểu số 2.4)
- Sổ chi tiết TK 5111 (Biểu số 2.5), TK 5113 (Biểu số 2.6)
- Nhật ký chứng từ số 8 (Biểu số 2.7)
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng kê chi tiết lập Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.8) và các sổ sách liên quan khác.
- Cuối quý, kế toán tính toán để xác định kết quả doanh thu thuần và lập Báo cáo tài chính.

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT - 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		SP/2010B			
Liên 3: Nội bộ		0061090			
Ngày 24 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng:		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VIỆT HOÀNG Tam Hưng – Thủy Nguyên - Hải Phòng MST: 0200566787			
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MST:			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Nam Triệu					
Địa chỉ: Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:		MST: 0200550421			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
1	Lịch treo tường	Quyển	275	35,600	9,790,000
2	Lịch để bàn	Quyển	200	33,250	6,650,000
3	Thiệp chúc mừng	Cái	100	27,910	2,791,000
Cộng tiền hàng:					19,231,000
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1,923,100	
Tổng cộng tiền thanh toán:					21,154,100
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi một triệu, một trăm lăm mươi tư nghìn, một trăm đồng chẵn.					

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------	--

Biểu số 2.1

HOÁ ĐƠN	Mẫu số: 01 GTKT - 3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	SP/2010B
Liên 3: Nội bộ	0061097
Ngày 31 tháng 12 năm 2010	

Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VIỆT HOÀNG Tam Hưng – Thủy Nguyên - Hải Phòng MST: 0200566787
Địa chỉ:	
Số tài khoản:	
Điện thoại:	

Họ tên người mua hàng:	
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Nam Triệu	
Địa chỉ: Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng	
Số tài khoản:	
Hình thức thanh toán:	MST: 0200680538

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
1	Tổ chức sự kiện “Hội thao phòng cháy chữa cháy”				14,463,500

Cộng tiền hàng:		14,463,500
Thuế GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:	1,446,350
Tổng cộng tiền thanh toán:		15,909,850

Số tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu, chín trăm linh chín nghìn, tám trăm năm

<i>mười đồng chẵn.</i>		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu số 2.2

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tháng 12 năm 2010

TT	NỘI DUNG	GHI NỢ CÁC TK			GHI CÓ CÁC TK		
		131	111	Cộng	DT thuần	Thuê GTGT	Cộng
	Cộng tháng 12	894,743,050	4,349,909,035	5,244,652,085	5,199,791,860	44,860,225	5,244,652,085
	<i>a.Doanh thu Hoạt động sản xuất (5111)</i>	660,805,346	484,629,728	1,145,435,074	1,041,304,613	104,130,461	1,145,435,074
1	HĐ 60365-Bán Biểu mẫu, phong bì, card cho Tổng CY NT	20,581,000		20,581,000	18,710,000	1,871,000	20,581,000
2	HĐ 60824-Bán hộp carton cho Công ty Aroma Bay Candles		166,696,200	166,696,200	151,542,000	15,154,200	166,696,200
3	HĐ 61090-Bán lịch treo tường, lịch để bàn, cho Cty CP ĐT và XD NT	21,154,100		21,154,100	19,231,000	1,923,100	21,154,100
...
	<i>b.Doanh thu Hoạt động cung cấp dịch vụ (5113)</i>	300,465,760	347,833,065	648,298,825	603,068,674	45,230,151	648,298,825
1	HĐ 61057-Quyết toán thuê xe đưa đón CB-CNV		257,521,450	257,521,450	245,058,524	12,462,926	257,521,450
2	HĐ 61097-Tổ chức sự kiện hội thao PCCC	15,909,850		15,909,850	14,463,500	1,446,350	15,909,850
...

Biểu số 2.3

Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S04b11 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỔ 11
PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TK 131)
Tháng 12 năm 2010

S T T	Tên người mua	Số dư ĐT		Ghi Nợ TK 131, ghi Có các TK				Ghi Có TK131, ghi Nợ các TK				Số dư CT	
		Nợ	Có	511	3331	...	Cộng Nợ	112	531	...	Cộng Có	Nợ	Có
1	Tổng Cty CNTT Nam Triệu	543,676,990		438,710,000	33,851,800	...	472,561,800	654,879,098		...	654,879,098	361,359,692	
2	Công ty Aroma Bay Candles	200,980,780		151,542,000	15,154,200	...	166,696,200	150,000,000		...	150,000,000	217,676,980	
3	Cty CP ĐT và XD NT	389,089,920		278,956,580	26,348,509	...	305,305,089	254,890,666		...	376,980,900	317,414,109	
4	Cty TNHH MTV TCT CNTT Nam Triệu	190,768,911		104,561,642	9,326,759	...	113,888,401		549,553,300	...	230,985,609	73,671,703	
...
	Cộng	28,802,119,764	3,593,427,936	5,344,136,851	512,342,212	...	69,216,233,051	5,930,829,584	689,098,881	...	74,797,355,809	28,137,979,877	8,392,939,903

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng – Hoạt động sản xuất
Tháng 12 năm 2010

DVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
			Số dư đầu tháng						
...
13/12	HĐ 60365	13/12	Bán biểu mẫu + Phong bì + card cho tổng Công ty CNTT Nam Triệu	131		18,710,000		1,871,000	
18/12	HĐ 60370	18/12	Bán hộp Caton cho Công ty Aroma Bay Candles	112		151,542,000		15,154,200	
...
24/12	HĐ 61090	24/12	Bán lịch treo tường, lịch để bàn cho Công ty CP Đầu tư và xây dựng Nam Triệu	131		19,231,000		1,923,100	
			Cộng số phát sinh tháng			1,041,304,613		104,130,461	
			- Doanh thu thuần			1,041,304,613			
			- Giá vốn hàng bán			1,003,178,248			
			- Lãi gộp			38,126,365			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản 5113 – Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ
Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
			Số dư đầu tháng						
...
22/12	HĐ 61057	22/12	Quyết toán thuê xe ca đưa đón CB – CNV tháng 11/2010	111			245,058,524	12,462,926	
31/12	HĐ 61097	31/12	Tổ chức sự kiện “Hội thao phòng cháy chữa cháy cho Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Nam Triệu	131			14,463,500	1,446,350	
...
			Cộng số phát sinh tháng				603,068,674	45,230,151	
			- Doanh thu thuần				603,068,674		
			- Giá vốn hàng bán				497,455,834		
			- Lãi gộp				105,612,840		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6

Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Mẫu số S04a8-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8
Tháng 12 năm 2010

STT	SH TK	TK 131	TK 156	TK 511	TK 515	TK 531	TK 632	TK 635
1	111	33,675,533,425		2,667,203,524	43,500,000			
2	112	40,432,723,503		2,548,451,485	39,620,745			
3	156						325,908,756	
4	153							
5	138							
6	131			5,344,136,851				
7	511					549,553,300		
8	515							
9	531	549,553,300						
10	632		7,806,350,941					
11	711							
12	911						8,981,076,267	368,656,901

Cộng	74,797,355,809	7,806,350,941	10,559,791,860	83,120,745	549,553,300	9,306,985,023	368,656,901
-------------	-----------------------	----------------------	-----------------------	-------------------	--------------------	----------------------	--------------------

STT	SH TK	TK 641	TK 642	TK 711	TK 811	TK 821	TK 9111	Cộng
1	111			70,658,542,699				107,044,779,648
2	112			14,163,315				43,034,959,048
3	156			39,648,000				365,556,756
4	153			28,010,000				28,010,000
5	138			25,189,366				25,189,366
6	131			502,786,379				5,846,923,230
7	511						10,010,238,560	10,559,791,860
8	515						83,120,745	83,120,745
9	531							549,553,300
10	632							7,806,350,941
11	711						71,658,542,699	71,658,542,699
12	911	319,298,558	312,116,733		70,248,614,600	380,534,736		81,751,902,194
	Cộng	319,298,558	312,116,733	71,658,542,699	70,248,614,600	380,534,736	81,751,902,194	327,380,615,921

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 531	549,553,300	6,523,480,918
TK 911	10,010,238,560	118,927,827,665
...
Cộng số phát sinh Nợ	10,559,791,860	125,451,208,573
Tổng số phát sinh Có	10,559,791,860	125,451,208,573
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8

2.2.2. Kế toán chi phí

2.2.2.1. Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp

❖ Nội dung giá vốn:

- Đối với hoạt động sản xuất: Giá vốn là toàn bộ chi phí doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất ra sản phẩm đó.
- Đối với hoạt động thương mại: Giá vốn là toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan để có được hàng hoá đó.
- Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ: Giá vốn chính là giá trị khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm
- Và các chứng từ khác có liên quan đến chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Bảng kê số 8
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ chi tiết TK 632
- Sổ cái TK 632
- Các sổ sách liên quan (nếu có)

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- TK 156: Hàng hóa
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- Các TK khác có liên quan.

❖ Quy trình hạch toán

Để thuận tiện cho việc quản lý và yêu cầu hạch toán, Công ty đã áp dụng tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

$$\text{DGBQ} = \frac{\text{SL tồn đầu} * \text{ĐG tồn đầu} + \Sigma(\text{SL nhập} * \text{ĐG nhập})}{\text{SL tồn} + \Sigma \text{SL nhập}}$$

- Đối với hoạt động thương mại:

Nợ TK632:

Có TK 156:

Trị giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ = Trị giá mua của hàng tiêu thụ trong kỳ + Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ

Trị giá mua của hàng tiêu thụ trong kỳ = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

- Đối với hoạt động sản xuất: Tất cả các chi phí sản xuất được tập hợp theo đơn đặt hàng bao gồm:

+ Chi phí nguyên vật trực tiếp (TK 621)

+ Chi phí nhân công (TK 622)

+ Chi phí sản xuất chung (TK 627).

Từ các chứng từ và sổ sách kế toán, cuối tháng kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Nợ TK 154:

Có TK 621:

Có TK 622:

Có TK 627:

Khi sản phẩm được hoàn thành không nhập kho mà bàn giao trực tiếp cho khách hàng. Cuối tháng kế toán xác định giá vốn chính bằng toàn bộ chi phí phát sinh của sản phẩm đó.

Nợ TK 632:

Có TK 154:

- Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ:

+ Giá vốn bao gồm các chi phí lắp đặt, vận chuyển, nhân công phục vụ, chi phí phân bổ cho các trang thiết bị, chi phí khấu hao,...

Nợ TK 154:

Có TK 622:

Có TK 627:

+ Đến cuối tháng khi xác định được chi phí khấu hao tài sản cố định kế toán tiến hành xác định giá vốn.

Nợ TK 632:

Có TK 154:

Ví dụ 03: Theo ví dụ 01 cuối tháng (31/12/2010) kế toán tập hợp chi phí theo hợp đồng kinh tế số 46B/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Nam Triệu tính giá vốn cho sản phẩm.

Nợ TK 154: 10,657,001

Có TK 621: 3,458,791

Có TK 622: 5,042,050

Có TK 627: 2,156,160

Nợ TK 632: 10,657,001

Có TK 154: 10,657,001

Ví dụ 04: Theo ví dụ 02 Kế toán tập hợp chi phí phát sinh để tổ chức sự kiện “Hội thao phòng cháy chữa cháy” ngày 31/12/2010:

- Chi phí nhân công phục vụ (vận chuyển, lắp đặt, giám sát,...): 4,058,000 đ
→ hạch toán vào chi phí nhân công (TK622)

- Chi phí công cụ dụng xuất dùng: 2,010,760 đ → hạch toán vào chi phí sản xuất chung (TK627)

- Chi phí khác: 2,896,540 đ → hạch toán vào chi phí SXC (TK627)

Kế toán hạch toán giá vốn:

Nợ TK 154: 8,965,300

Có TK 622: 4,058,000

Có TK 627: 4,907,300

Nợ TK 632: 8,965,300

Có TK 154: 8,965,300

Căn cứ vào các số liệu nói trên và các chứng từ có liên quan kế toán vào:

- Sổ chi tiết giá vốn – hoạt động sản xuất (Biểu số 2.9)
- Sổ chi tiết giá vốn – hoạt động cung cấp dịch vụ (Biểu số 2.10)
- Bảng tổng hợp chi tiết TK 632 (Biểu số 2.11)
- Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.12) và các sổ sách liên quan khác.

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán (Hoạt động sản xuất)

Tháng 12/2010

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
...
13/12	PX05/12	13/12	Bán biểu mẫu + Phong bì + card cho TCT CNTT Nam Triệu	154	12,423,897	
18/12	PX07/12	18/12	Bán hộp Caton cho Công ty Aroma Bay Candles	154	125,980,034	
24/12	PX12/12	24/12	Bán lịch treo tường, lịch để bàn, thiệp chúc mừng năm mới cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Nam Triệu	154	10,657,001	
31/12	PKT554	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		1,003,178,248
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		1,003,178,248	1,003,178,248

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán (Hoạt động cung cấp dịch vụ)

Tháng 12/2010

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
...
22/12	PKT555	22/12	Quyết toán xe ca đưa đón CN – CNV tháng 11/2010	154	198,345,501	
31/12	PKT556	31/12	Tổ chức sự kiện “Hội thao phòng cháy chữa cháy” cho CT TNHH MTV Tổng Cty CNTT Nam Triệu	154	8,965,300	
31/12	PKT557	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		497,455,834
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		497,455,834	497,455,834

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng - Thủy Nguyên - Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
TK 632 - Giá vốn hàng bán
Tháng 12 năm 2010

DVT: VND

Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 632, ghi Có TK			Ghi Có TK 632, ghi Nợ TK		
SH	NT		TK 156	TK 154	Cộng Nợ TK 632	...	TK 911	Cộng Có TK 632
...
HĐ60365	13/12	Bán biểu mẫu cho TCT CNTT NT		12,423,897	12,423,897			
HĐ60384	20/12	Bán tấm thép dày cho Công ty CNTT Thanh hóa	1,012,076,508		1,012,076,508			
HĐ61090	24/12	Bán lịch treo tường, lịch để bàn, thiệp chúc mừng năm mới cho CTCP ĐT và XD NT		10,657,001	10,657,001			
HĐ61091	31/12	Bán máy dca di động, thiết bị định vị = laser cho CT TNHH MTV TCY CNTT Nam Triệu	5,248,287,800		5,248,287,800			
HĐ61097	31/12	Tổ chức sự kiện "Hội thao PCCC" cho CT TNHH MTV TCT CNTT Nam Triệu		8,965,300	8,965,300			
...
PKT5543	31/12	Kết chuyển giá vốn					8,981,076,267	8,981,076,267
		Tổng cộng	7,806,350,941	1,500,634,082	9,306,985,023	...	8,981,076,267	9,306,985,023

Biểu số 2.11

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn bán hàng

Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

ĐVT: VNĐ

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 154	1,500,634,082	18,670,156,432
TK 156	7,806,350,941	86,231,348,939
...
Cộng số phát sinh Nợ	9,306,985,023	104,901,505,371
Tổng số phát sinh Có	9,306,985,023	104,901,505,371
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12

2.2.2.2. Chi phí bán hàng

Do Công ty thực hiện phương thức bán hàng trực tiếp nên chi phí bán hàng của Công ty khá đơn giản.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- HĐ GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ của Ngân hàng

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 641- Chi phí bán hàng. Trong đó:
 - + TK 6412 - Chi phí vật liệu
 - + TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác
- Các TK khác có liên quan: TK 111, 334, 156, ...

❖ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Bảng kê chi tiết TK 641
- Bảng kê số 5
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ cái TK 641
- Các sổ khác có liên quan.

❖ Quy trình hạch toán:

- Chi phí vật liệu: Các vật liệu, nhiên liệu để bảo quản hàng hóa khi vận chuyển giao cho khách hàng.

Nợ TK 6412:

Có TK 152,111, 331,..

- Chi phí khác bằng tiền: Chi tiếp khách, tiền điện thoại giao dịch, chào hàng,...

Nợ Tk 6418:

Có TK 111,331,....

Ví dụ 05: Ngày 20/12/2010, PC 1020 (Biểu số 2.13), thanh toán tiền tiếp khách phục vụ cho hoạt động bán hàng với tổng tiền thanh toán là 1,420,000 đ
Kế toán hạch toán chi phí bán hàng:

Nợ TK 6418: 1,420,000

Có TK 111: 1,420,000

Căn cứ vào các số liệu nói trên và các chứng từ có liên quan kế toán vào các sổ sách:

- Sổ chi tiết TK 641 (Biểu số 2.14)
- Bảng kê số 5 (Biểu số 2.15)
- Nhật ký chứng từ số 8 (Biểu số 2.7)
- Sổ cái TK 641 (Biểu số 2.16)
- Và các sổ khác có liên quan

2.2.2.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ tiền gửi ngân hàng.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong đó:
 - + TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý.
 - + TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý.
 - + TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng.
 - + TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
 - + TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác.
- Các TK khác có liên quan như: 111, 112, 334,338,214,.....

❖ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.

- Bảng kê chi tiết TK 642
- Bảng kê số 5
- Nhật ký chứng từ số 8
- Sổ cái TK 642
- Các sổ sách khác có liên quan.

❖ **Quy trình hạch toán:**

- Hạch toán chi phí nhân viên quản lý: Căn cứ vào bảng phân bổ lương và BHXH kê toán phản ánh:

Nợ TK 6421:

Có TK 334:

- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ kê toán ghi:

Nợ TK 6421:

Có TK 3383:

Có TK 3384:

Có TK 3382:

- Hạch toán đồ dùng văn phòng: Từ hóa đơn mua văn phòng phẩm của Công ty, có kèm theo phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi (nếu có) của ngân hàng, kê toán phản ánh như sau:

Nợ TK 6423:

Nợ TK 133:

Có TK 111,112,331,...

- Hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ, Kế toán căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao để hạch toán

Nợ TK 6424:

Có TK 214:

- Hạch toán thuế môn bài, thuế đất, ... phải nộp Nhà nước

Nợ TK 6425:

Có TK 333:

- Thanh toán tiền điện thoại, điện, nước,...mua ngoài:

Nợ TK 6427:

Nợ TK 133:

Có TK 111, 112, 331,...

- Chi hội nghị, tiếp khách, lao động nữ,...:

Nợ TK 6428:

Nợ TK 133:

Có TK 111, 112, 331,...

Ví dụ 06: Ngày 31/12/2010, HĐ GTGT số 0042034 (Biểu số 2.17), thanh toán tiền thuê nhà văn phòng của Công ty TNHH MTV TCT Công Nghiệp Tàu Thủy Nam Triệu. Tổng số tiền thanh toán là 3,910,000 đ với thuế GTGT 10%.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 6427: 3,554,545

Nợ TK 133: 355,455

Có 112: 3,910,000

Căn cứ vào số liệu nói trên và các chứng từ có liên quan kế toán vào sổ:

- Sổ chi tiết TK 642 (Biểu số 2.18)
- Bảng kê số 5 (Biểu số 2.15)
- Nhật ký chứng từ số 8 (Biểu số 2.7)
- Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.19)
- Các sổ khác có liên quan.

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số: 1020

PHIẾU CHI

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Nợ: 6418
Có: 1111

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Mai

Địa chỉ: Phòng Tài chính Kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 1,420,000 đ

Viết bằng chữ: Một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 0 Chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

**Thủ trưởng
đơn vị**
(Ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 641 – Chi phí hàng bán

Tháng 12/2010

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
...
20/12	PC1020	20/12	Thanh toán tiền tiếp khách phục vụ bán hàng	111	1,420,000	
22/12	PC1076	22/12	Thanh toán cước vận chuyển hàng	111	31,000,000	
31/12	BPBKH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	263,027,831	
31/12	PKT5704	31/12	Kết chuyển	911		319,298,558
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		319,298,558	319,298,558

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG KÊ SỐ 5
Tập hợp: CP bán hàng (TK641) - CP QLDN (TK642)
Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

Số TT	Các TK ghi Có Các TK ghi Nợ	TK111	TK112	TK152	TK214	TK311	TK334	TK 338	...	Cộng
1	TK641 - Chi phí bán hàng									
2	Chi phí nhân viên						16,560,598	1,000,679	...	17,561,277
3	CP vật liệu, bao bì			5,729,003					...	5,729,003
4	CP dụng cụ, đồ dùng								...	0
5	CP khấu hao TSCĐ				263,027,831				...	263,027,831
6	CP dịch vụ mua ngoài					1,561,126			...	1,561,126
7	CP bằng tiền khác	31,420,000							...	31,420,000
8	CỘNG	31,420,000	0	5,729,003	263,027,831	1,561,126	16,560,598	1,000,679	...	319,298,558
9	TK642 - Chi phí QLDN									
10	CP nhân viên quản lý						92,459,022	17,882,637	...	110,341,659
11	CP vật liệu quản lý			25,783,209		28,538,065			...	54,321,274
12	CP đồ dùng văn phòng	12,452,830							...	12,452,830
13	CP khấu hao TSCĐ				20,003,409				...	20,003,409
14	Thuế, phí và lệ phí								...	0
15	CP dự phòng								...	0
16	CP dịch vụ mua ngoài	1,584,278	5,510,053			36,458,902			...	43,553,233
17	CP bằng tiền khác	15,264,802	28,625,891			25,893,515	1,660,120		...	71,444,328
18	CỘNG	29,301,910	34,135,944	25,783,209	20,003,409	90,890,482	94,119,142	17,882,637	...	312,116,733

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng
Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

ĐVT: VNĐ

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 152	5,729,003	68,410,903
TK 111	31,420,000	324,928,019
TK 214	263,027,831	2,382,019,392
TK 334	16,560,598	192,829,013
TK 338	1,000,679	11,920,839
...
Cộng số phát sinh Nợ	319,298,558	3,828,183,017
Tổng số phát sinh Có	319,298,558	3,828,183,017
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT - 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		SP/2010B			
Liên 2: Giao khách hàng		0042034			
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Nam Triệu					
Địa chỉ: Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			MST: 0200680538		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng					
Địa chỉ: Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK			MST: 0200566787		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
1	Thanh toán tiền thuê nhà văn phòng				3,554,545
2					
3					
4					
Cộng tiền hàng:					3,554,545
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		355,455	
Tổng cộng tiền thanh toán:					3,910,000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba triệu, chín trăm mười nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.17

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CN HẢI PHÒNG

Số 11 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Giờ in: 1 : 43 : 10

GIẤY BẢO NỢ

Ngày: 31/12/2010

Số chứng từ: DD4400.000201413

Số chuyển tiền: 41490704030542

Người nộp tiền: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VIỆT HOÀNG

Số CIF: 3430720 VAT khách hàng: 0200566787

Số tài khoản: 310.00.896.524 VND

Địa chỉ: XÃ TAM HƯNG – THỦY NGUYÊN – HẢI PHÒNG

Số tiền: 3,910,000 VNĐ

Bằng chữ: *Ba triệu, chín trăm mười nghìn VNĐ*

Nội dung: Thanh toán tiền thuê nhà văn phòng.

Thanh toán viên

Kiểm soát viên

Trưởng phòng

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12/2010

ĐVT: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
...
22/12	PC1080	22/12	Thanh toán lương cho nhân viên văn phòng	334	94,119,142	
22/12	PKT5601	22/12	Trích BHXH, BHYT, KPC Đ	338	17,882,637	
31/12	HĐ42034	31/12	Thanh toán tiền thuê nhà văn phòng của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CNTT Nam Triệu	111	3,910,000	
31/12	PKT5624	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	20,003,409	
31/12	PKT5704	31/12	Kết chuyển	911		312,116,733
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ		312,116,733	312,116,733

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

ĐVT: VNĐ

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 334	94,119,142	1,128,034,635
TK 338	17,882,637	83,901,290
TK 111	29,301,910	348,912,028
TK 214	20,003,409	239,825,046
TK 112	34,135,944	405,938,857
...
Cộng số phát sinh Nợ	312,116,733	3,742,920,841
Tổng số phát sinh Có	312,116,733	3,742,920,841
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Nội dung kết quả kinh doanh tại Công ty CP Công nghiệp Việt Hoàng gồm:

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Kết quả hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác.

❖ Hạch toán ban đầu:

- Định kỳ cuối tháng, quý, kế toán tổng hợp số liệu kế toán kết quả kinh doanh trong tháng, quý để xác định kết quả kinh doanh. Cuối năm tiến hành lập báo cáo tài chính năm.

- Vì kế toán xác định kết quả kinh mang tính chính xác, kế toán của Công ty thường xuyên kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc về thu nhập, chi phí như HĐ GTGT, phiếu chi, phiếu thu, giấy báo nợ,...

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:** Giấy báo có của ngân hàng, HĐ GTGT, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng,... và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết TK 511, 632
- Sổ cái TK 511, 515, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 911, 421,...
- Các sổ khác có liên quan.

❖ TK sử dụng:

- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 635 – Chi phí tài chính
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác
- TK 8211 – Thuế thu nhập doanh nghiệp

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Và các TK có liên quan khác.

2.2.3.1. Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

$$\text{Kết quả SXKD} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN}$$

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{DT bán hàng và CCDV} - \text{Các khoản giảm trừ DT}$$

Trong năm 2010, Công ty có phát sinh khoản giảm trừ doanh thu làm giảm doanh thu. Ngày 29/12/2010 Cty CP Công nghiệp VLH Nam Triệu trả lại 1 lô hàng trị giá chưa thuế 549,553,300 đ, nguyên nhân do hàng kém chất lượng.

Sau khi tổng hợp và đối chiếu số liệu từ các chứng từ, sổ sách như: bảng tổng hợp, sổ cái TK 511, 632, 641, 642,.... Kế toán thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ vào ngày cuối cùng của từng quý và tổng hợp vào cuối năm.

Ví dụ 07: Xác định kết quả kinh doanh tháng 12/2010 tại Công ty CP Công nghiệp Việt Hoàng. Ngày 31/12/2010, sau khi tập hợp số liệu vào sổ cái TK 511, 531, 632, 641, 642 kế toán thực hiện bút toán kết chuyển:

- Kết chuyển doanh thu hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 511: 549,553,300

Có TK 531: 549,553,300

- Kết chuyển doanh thu thuần:

Nợ TK 511: 10,010,238,560

Có TK 911: 10,010,238,560

- Kết chuyển giá vốn:

Nợ TK 911: 8,981,076,267

Có TK 632: 8,981,076,267

- Kết chuyển chi phí bán hàng:

Nợ TK 911: 319,298,558

Có TK 641: 319,298,558

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 911: 312,116,733

Có TK 642: 312,116,733

Sau khi kết chuyển TK 511, 632, 641, 642 không còn số dư.

2.2.3.2. Kết quả hoạt động tài chính

KQ hoạt động tài chính = DT hoạt động tài chính - CP hoạt động tài chính

❖ Doanh thu hoạt động tài chính:

Tài khoản sử dụng: TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:

- TK 5151 – Lãi tiền cho vay, tiền gửi.
- TK 5152 – Đầu tư trái phiếu, tín phiếu
- TK 5153 – Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- TK 5154 – Lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ
- TK 5155 – Lãi bán hàng trả chậm
- TK 5156 – Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- TK 5157 – Thu nhập cho thuê tài sản
- TK 5158 – Thu nhập đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- TK 5159 – Thu nhập hoạt động tài chính khác

Ví dụ 8: Ngày 31/12/2010 nhận được Giấy báo có của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN- Chi nhánh HP về khoản lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền lãi nhận được là 4,882,740 đ

- Căn cứ vào Giấy báo có kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 4,882,740

Có TK 515: 4,882,740

- Sau đó, kế toán vào bảng kê chi tiết TK 515 (Biểu số 2.20)
- NKCT số 8 (Biểu số 2.7).
- Từ đó lập sổ cái TK 515 (Biểu số 2.21)

Chi phí hoạt động tài chính:

Tài khoản sử dụng: TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính:

- TK 6351 – Chi phí lãi vay
- TK 6353 – Chi phí liên quan đến bán bất động sản

- TK 6354 – Lỗ do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại SDCK.
- TK 6355 – Lỗ do bán hàng trả chậm
- TK 6357 – Chi phí cho thuê tài sản.
- TK 6358 – Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán.
- TK 6359 – Chi phí tài chính khác.

Ví dụ 9: Ngày 27/12/2010, UNC 25 trả lãi tiền vay ngân hàng Công Thương – HP T12/2010 với số tiền là 13,440,000 đ. Kế toán hạch toán:

Nợ TK 6351: 13,440,000

Có TK 112: 13,440,000

Từ số liệu trên và các chứng từ liên quan kế toán vào các sổ sách sau đây:

- Bảng kê chi tiết TK 635 (Biểu 2.22)
- Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.23)
- Các sổ khác có liên quan.

Ví dụ 10: Ngày 31/12/2010 kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh năm 2010.

Nợ TK 515: 83,120,745

Có TK 911: 83,120,745

Nợ TK 911: 368,656,901

Có TK 635: 368,656,901

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CN HẢI PHÒNG

Số 11 Hoàng Diệu, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU BÁO CÓ*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Kính gửi: Công ty cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng.

Địa chỉ: Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mã số thuế: 0200566787

Số tài khoản: 10201000022190-8

Loại tiền: VNĐ

Loại thanh toán: tiền gửi thanh toán.

Chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Công Thương – Hải Phòng	4,883,740
Tổng số tiền	4,882,740

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng chẵn.

Lập phiếu*(Ký, họ tên)***Kiểm soát***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT
Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

STT	Diễn giải	Ghi Nợ TK 515, ghi Có TK		Ghi Có TK 515, ghi Nợ các TK			
		TK 911	Cộng Nợ TK515	TK 111	TK 112	...	Cộng Có TK515
...
35	Thu tiền lãi cổ tức công ty CP cung ứng tàu biển			13,500,000		...	13,500,000
36	Ngân hàng TMCP NT VN – HP gửi GBC về số lãi được hưởng				4,882,740	...	4,882,740
37	Kết chuyển thu nhập từ HĐTC	83,120,745	83,120,745				
	Tổng cộng	83,120,745	83,120,745	43,500,000	39,620,745	...	83,120,745

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
...
TK 911	83,120,745	995,894,026
Cộng số phát sinh Nợ	83,120,745	995,894,026
Tổng số phát sinh Có	83,120,745	995,894,026
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT
Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính
Tháng 12 năm 2010

ĐVT: VNĐ

STT	Diễn giải	Ghi Nợ TK 635, ghi Có TK				Ghi Có TK 635, ghi Nợ TK	
		TK 112	TK 338	...	Cộng Có TK635	TK 911	Cộng Có TK635
...
32	Trả lãi tiền vay Ngân hàng Công Thương – HP T12/2011	13,440,000		...	13,440,000		
33	Ngân hàng TMCP nhà HN thu lãi tiền vay	250,829,820		...	250,829,820		
34	Kết chuyển CP HĐTC					368,656,901	368,656,901
	Tổng cộng	284,348,801	47,829,003	...	368,656,901	368,656,901	368,656,901

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính
Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 112	284,348,801	3,360,928,762
TK 338	47,829,003	418,037,184
TK 413	25,748,992	182,300,916
...
Cộng số phát sinh Nợ	368,656,901	4,002,937,835
Tổng số phát sinh Có	368,656,901	4,002,937,835
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23

2.2.3.3. Kết quả hoạt động khác

KQ hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Thu nhập khác - TK 711, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Chi phí khác – TK 811

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý hoặc nhượng bán nếu có.
- Tiền phạt do DN vi phạm hợp đồng.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác.

Ví dụ 11: Ngày 31/12/2010 Kế toán kết chuyển thu nhập khác và chi phí khác để xác định kết quả kinh doanh năm 2010.

Nợ TK 711: 71,658,542,699

Có TK 911: 71,658,542,699

Nợ TK 911: 70,248,614,600

Có TK 811: 70,248,614,600

Kế toán thực hiện tính kết quả lãi, lỗ của toàn bộ hoạt động trong Công ty:

➤ **Lợi nhuận gộp:** $10,010,238,560 - 8,981,076,267 = 1,029,162,293$

➤ **Lợi nhuận thuần từ HĐKD:** $1,029,162,293 + 83,120,745$

$- 368,656,901 - 319,298,558 - 312,116,733 = 112,210,846$

➤ **Lợi nhuận khác:** $71,658,542,699 - 70,248,614,600 = 1,409,928,099$

➤ **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:**

$112,210,846 + 1,409,928,099 = 1,552,138,945$

➤ **Vậy trong tháng 12, Công ty lãi: 1,552,138,945 VNĐ**

➤ **Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp(25%) = 380,534,736 VNĐ**

- Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Nợ TK 8211: 380,534,736

Có TK 3334 : 380,534,736

- Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK 911:

Nợ TK 911: 380,534,736

Có TK 8211: 380,534,736

Sau khi tính được khoản lãi (lỗ) kế toán tổng hợp để kết chuyển số lãi HĐKD trong kỳ = 1,552,138,945 - 380,534,736 = 1,141,604,209 VNĐ.

Kế toán kết chuyển phần lãi (lỗ) sang TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối:

Nếu kết quả kinh doanh có lãi:

Kế toán định khoản:

Nợ TK 911: 1,141,604,209

Có TK 421: 1,141,604,209

Nếu kết quả kinh doanh bị lỗ:

Kế toán định khoản:

Nợ TK 421

Có TK 911

Sau khi tiến hành bút toán kết chuyển kế toán vào tổng hợp vào các sổ sách

sau:

- Nhật ký chứng từ số 8 (Biểu số 2.7)
- Sổ cái TK 711 (Biểu số 2.24)
- Sổ cái TK 811 (Biểu số 2.25)
- Sổ cái TK 421 (Biểu số 2.26)
- Sổ cái TK 911 ((Biểu số 2.27)

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 711 – Thu nhập khác
Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
...
TK 911	71,658,542,699	854,001,737,865
Cộng số phát sinh Nợ	71,658,542,699	854,001,737,865
Tổng số phát sinh Có	71,658,542,699	854,001,737,865
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 811 – Chi phí khác
Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 111	352,485,554	4,224,879,002
TK 138	5,820,980	69,902,928
TK 1121	366,183	3,819,003
TK 211	62,732,137,629	744,221,119,040
TK 331	1,437,224,842	13,827,004,276
...
Cộng số phát sinh Nợ	70,248,614,600	837,728,002,720
Tổng số phát sinh Có	70,248,614,600	837,728,002,720
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có				

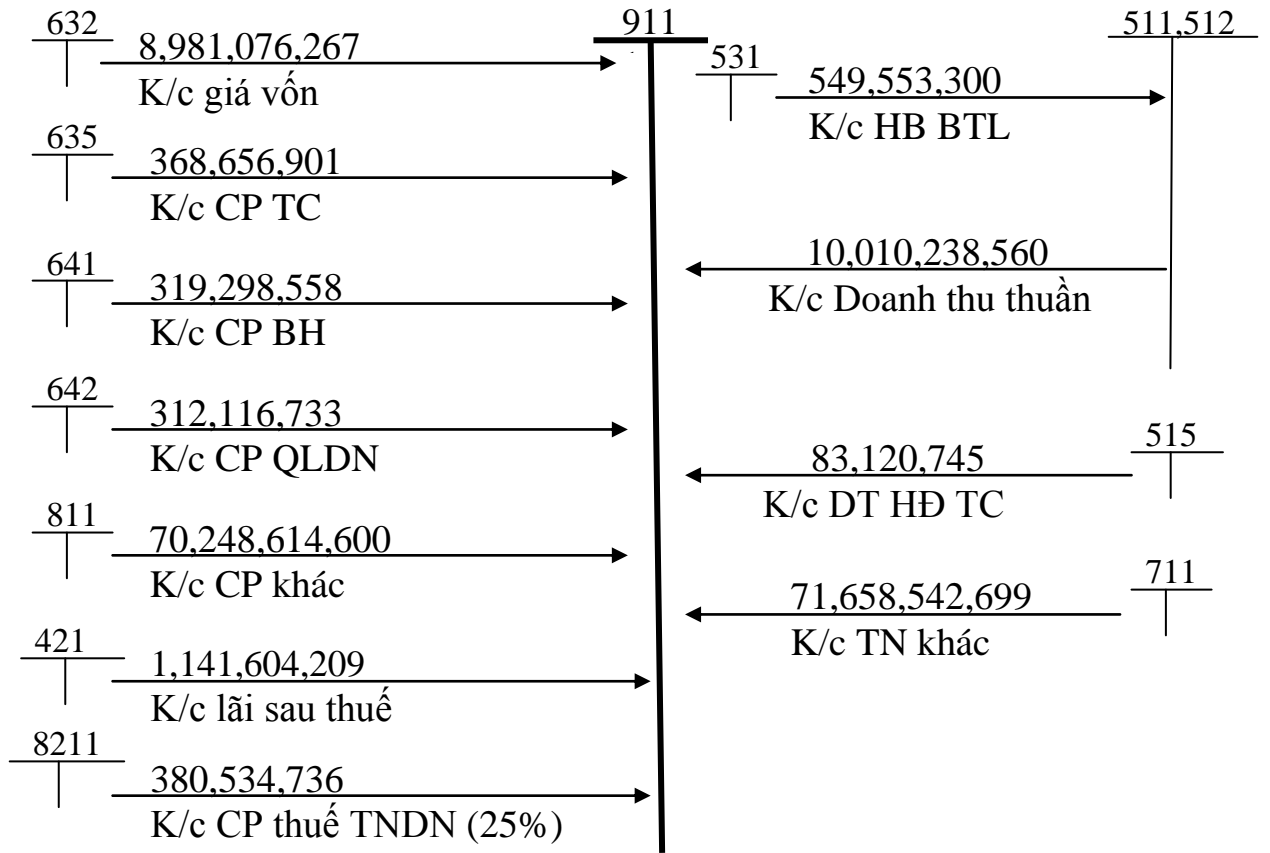
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25

Sơ đồ hạch toán tổng hợp KQKD tháng 12/ 20 10 tại Công ty CP Công nghiệp Việt Hoàng.



Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
	1,103,567,425

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 338	2,894,002	25,119,030
TK 411	15,930,837	180,928,442
TK 414	8,920,664	96,830,551
TK 415	1,829,002	12,832,756
TK 431	1,200,000	11,003,904
TK 418	2,930,945	22,550,008
...
Cộng số phát sinh Nợ	300,910,023	9,368,956,873
Tổng số phát sinh Có	1,141,604,209	10,834,620,015
Số dư cuối tháng	Nợ			-	-
	Có			2,569,230,567	2,569,230,567

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.26

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Hoàng
Tam Hưng – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Mẫu số S05-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2010 (Trích số liệu tháng 12)

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
TK 632	8,981,076,267	104,901,505,371
TK 641	319,298,558	3,828,183,017
TK 642	312,116,733	3,742,920,841
TK 635	368,656,901	4,002,937,835
TK 811	70,248,614,600	837,728,001,720
TK 821	380,534,736	1,938,901,974
TK 421	1,141,604,209	10,834,620,015
Cộng số phát sinh Nợ	81,751,902,194	966,976,970,773
Tổng số phát sinh Có	81,751,902,194	966,976,970,773
Số dư cuối tháng	Nợ				
	Có				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27

CHƯƠNG III**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VIỆT HOÀNG****3.1. Đánh giá khái quát công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng.****3.1.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị:**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng là một Công ty lớn trong lĩnh vực cung cấp thiết bị và dịch vụ phục vụ ngành công nghiệp đóng tàu trong nước. Được thành lập chưa lâu nhưng tên tuổi của Công ty đã được nhiều đơn vị và cá nhân biết đến, uy tín của Công ty không ngừng được nâng cao. Trình độ công nghệ cũng như trình độ quản lý ngày càng được hoàn thiện. Công ty đã có nhiều đóng góp giúp ngành đóng tàu trong nước ngày càng phát triển, tạo công ăn việc làm cho rất nhiều lao động góp phần thúc đẩy nền kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.

Trong thời gian qua, Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác quản lý về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Trong công tác kế toán của Công ty, việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của Công ty dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quá trình kế toán trong Công ty. Vì vậy nó đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản lý.

3.1.2. Những mặt ưu điểm

- Nhìn chung nguyên tắc kế toán của Công ty đã dựa trên căn cứ khoa học đặc điểm tình hình thực tế của Công ty và làm kế toán Excel trên máy vi tính, tránh ghi chép thủ công mất nhiều thời gian, chi phí tốn kém, hơn thế nữa đáp ứng được việc tìm kiếm thông tin nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo được tính thống nhất về phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên

quan.

- Công ty đã áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký - chứng từ phù hợp với những doanh nghiệp đã thực hiện cổ phần hoá từ công ty nhà nước đi lên, hơn nữa đặc điểm kinh doanh của Công ty lại có rất nhiều mặt hàng, đa dạng về chủng loại và số lượng chứng từ sổ sách theo dõi nhiều. Như vậy hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ đã đáp ứng được nhu cầu hạch toán kế toán và quản lý của Công ty.

Về chứng từ kế toán sử dụng:

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đều theo đúng mẫu của Bộ tài chính với đầy đủ các yếu tố cần thiết. Các chứng từ được phân loại rõ ràng theo hệ thống. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời.

Về tổ chức công tác kế toán hiện nay:

Phù hợp với đặc điểm tình hình của Công ty luôn chấp hành một cách nghiêm túc và đầy đủ các chính sách, chế độ kế toán tổ chức Nhà nước, các chính sách về giá, thuế. Tổ chức mở sổ đầy đủ, phù hợp để phản ánh tình hình biến động của thị trường sản xuất kinh doanh, đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của Công ty.

Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện khá đầy đủ, trung thực, các nghiệp vụ nhập – xuất đều được phản ánh trên sổ sách, chứng từ kế toán một cách rõ ràng.

Về tổ chức bộ máy kế toán:

Việc tổ chức bộ máy kế toán hiện nay là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Với 7 thành viên kế toán, mỗi người đều nhận nhiệm vụ riêng, tuy khối lượng nghiệp vụ kế toán phát sinh là khá nhiều nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán tổng hợp đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hoá, của giá cả hàng hoá và xu hướng hàng hoá trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của hoạt động bán hàng, của hoạt động tài chính cũng như các hoạt động khác.

Phân bổ một cách hợp lý các chi phí cho từng mặt hàng tiêu thụ quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

Về kế toán xác định kết quả kinh doanh

Trên cơ sở đặc điểm kinh doanh của Công ty, kế toán doanh thu và chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để được đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép, xác định một cách chính xác doanh thu, chi phí. Kế toán doanh thu bên cạnh việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác cho các cơ quan chức năng: cơ quan thuế, ngân hàng... còn cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan lãnh đạo doanh nghiệp, cho ban Giám đốc doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặt ra chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời và hiệu quả.

3.1.3. Một số hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, kế toán còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có các biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý, hoạt động tiêu thụ hàng hoá. Cụ thể:

Về hình thức kế toán:

Hình thức sổ kế toán mà công ty áp dụng là Nhật ký chứng từ, hình thức này hoàn toàn phù hợp với tình hình của Công ty, tuy nhiên sổ sách nhiều với nhiều mặt hàng đa dạng và phong phú vì vậy khâu đối chiếu số liệu mất nhiều thời gian, đôi khi còn nhầm lẫn vì vậy cần phải cẩn trọng.

Về phương thức hạch toán kế toán:

Kế toán làm trên máy tính nhưng không sử dụng phần mềm kế toán làm mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ sách đôi khi đối chiếu còn dẫn đến sai lệch.

Công ty chưa lập sổ chi tiết theo dõi Chi phí khác và Thu nhập khác mà chỉ phản ánh trực tiếp qua NKCT số 8 và sổ cái.

Ngoài ra, đáng lẽ chứng từ phải được cập nhật hàng ngày để ngày nào ghi sổ ngày đó sẽ dễ dàng cho việc định khoản, theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tránh tình trạng chùng chãi nghiệp vụ phát sinh. Thế nhưng ở Công ty hầu như đến

cuối tháng thủ kho mới chuyển hoá đơn chứng từ lên phòng kế toán, do vậy kế toán không theo dõi được số lượng hàng trong tháng và khiến cho công tác kế toán bị dồn vào cuối tháng.

Về hạch toán chi phí:

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lại không chi tiết cho từng mảng hoạt động kinh doanh nên rất khó theo dõi và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của từng mảng.

Về hình thức thanh toán:

Đa số khách hàng của Công ty đều thanh toán chậm. Có những đơn hàng kéo dài thời hạn thanh toán đến hết vài tháng do đó phần lớn vốn của Công ty bị tồn đọng nhiều ở số phải thu khách hàng.

Tính đến thời điểm 31/12/2010 con số phải thu khách hàng đã lên tới 28,137,979,877 đ tương đương với tổng tài sản là 135,118,841,218 đ . Như vậy tỷ lệ phải thu khách hàng trên tổng tài sản của doanh nghiệp là 20,8%. Với số vốn bị chiếm dụng lớn như vậy sẽ làm giảm tốc độ quay vòng vốn, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng tính rủi ro cho doanh nghiệp.

3.2. Các nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay giữa sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngày càng trở lên gay gắt. Vì vậy mỗi doanh nghiệp phải tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để tìm cho mình một chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách kịp thời, chính xác là điều kiện hết sức cần thiết và quan trọng đối với cơ quan chức năng: Đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào Ngân sách nhà nước; Đối với Ngân hàng – giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi, quan trọng là đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai. Đây là điều kiện đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi bất kỳ trong một doanh nghiệp nào dù tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, thu lợi nhuận cao, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Với yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt để đáp ứng nhu cầu quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài khoản của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước. Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty: mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy, việc vận dụng hệ thống chế độ thể lệ tổ chức kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện tính nghiệp vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí. Điều tiết quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm, nâng cao doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, hợp lý, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu chính xác, tin cậy giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn và phát huy những thuận lợi nhằm giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPCN Việt Hoàng.

Mặc dù công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được tổ chức khá khoa học và hiệu quả nhưng với mong muốn công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu quản lý, em xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

Ý kiến 1:

Để góp phần hiện đại hóa và nâng cao công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm thời gian của nhân viên kế toán, giải quyết cho kế toán khỏi việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp một cách đơn điệu nhàm chán, để họ dành nhiều thời gian cho công tác nghiên cứu, sáng tạo chuyên môn của mình, Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán trên máy. Hiện tại phòng kế toán của Công ty đã được trang bị đầy đủ máy tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán. Điều đó giúp giảm bớt cho kế

toán viên trong công việc kiểm tra đối chiếu số liệu vì đặc điểm khối lượng hàng hoá của Công ty rất đa dạng. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả trực tiếp thiết thực cho doanh nghiệp.

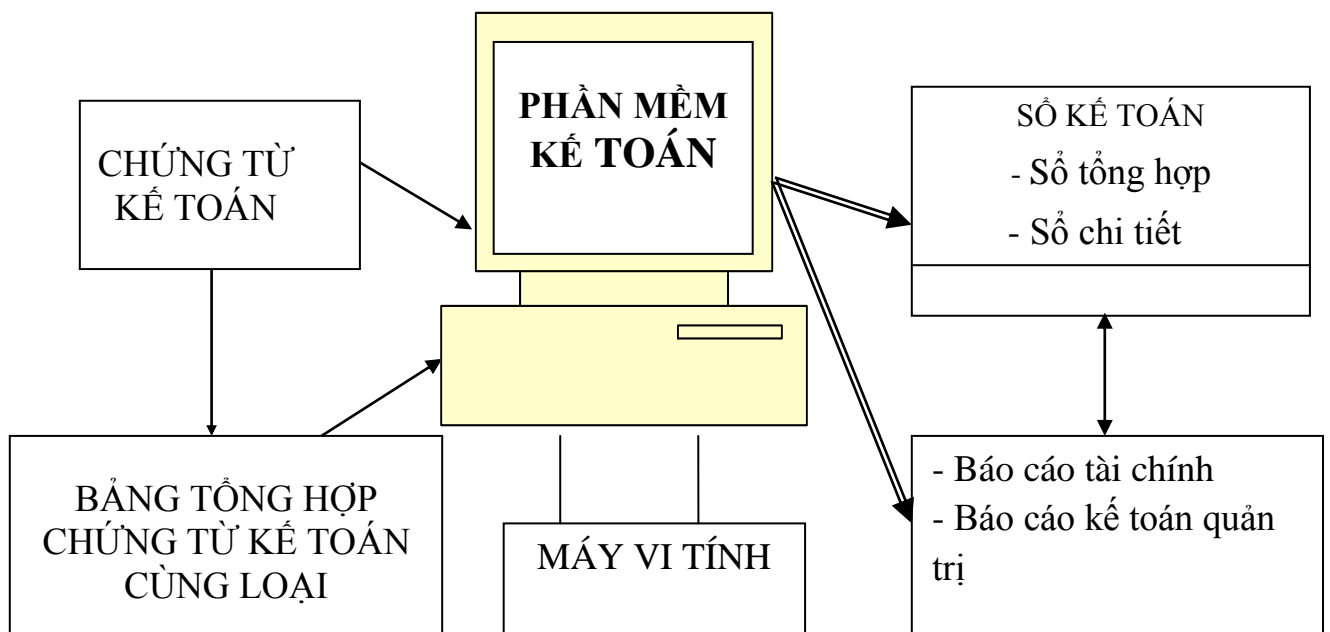
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Ghi chú:

- > **Nhập số liệu hàng ngày**
- ====> **In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm**
- ◄-----> **Đối chiếu, kiểm tra**

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Ý kiến 2: Về hạch toán chi phí

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cần phải được theo dõi chi tiết cho từng mảng hoạt động kinh doanh. Muốn vậy Công ty cần phải phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng mảng hoạt động. Có thể phân bổ theo giá vốn hàng bán:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ giá vốn của từng} & & & \text{Giá vốn của từng mảng hoạt động kinh doanh} \\ \text{mảng HĐ kinh doanh} & = & & \text{Tổng giá vốn trong tháng} \\ \text{CPBH cho từng mảng} & = & \text{Tỷ giá vốn HB của mảng} & \times & \text{Chi phí bán hàng} \\ \text{hoạt động kinh doanh} & & \text{kinh doanh tương ứng} & & \text{của cả tháng} \\ \text{CPQLDN cho từng mảng} & = & \text{Tỷ giá vốn HB của mảng} & \times & \text{Chi phí QLDN} \\ \text{hoạt động kinh doanh} & & \text{kinh doanh tương ứng} & & \text{của cả tháng} \end{aligned}$$

Việc theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng cho từng mảng kinh doanh sẽ tạo điều kiện để Công ty có thể xác định kết quả kinh doanh cho từng mảng hoạt động kinh doanh từ đó có thể theo dõi được hiệu quả kinh doanh của từng mảng hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp có thể đưa ra những chính sách hợp lý thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty hơn nữa.

Ví dụ: Xác định CP BH và CP QLDN cho mảng hoạt động sản xuất sản phẩm:

Tỷ giá vốn hàng bán của mảng sản xuất sp = $1,003,178,248 / 9,306,985,023 = 0.11$

CP BH cho mảng sản xuất sp = $0.11 * 319,298,558 = 35,122,841$

CP QLDN cho mảng sản xuất = $0.11 * 312,116,733 = 34,332,841$

Xác định kết quả kinh doanh cho hoạt động sản xuất sản phẩm:

Lợi nhuận thuần từ hđ sản xuất = DT thuần – giá vốn – CPBH – CPQLDN

$$= 1,041,304,613 - 1,003,178,248 - 35,122,841 - 34,332,841$$

$$= - 31,329,317 \text{ đ}$$

Xác định tương tự ta có lợi nhuận thuần từ hđ cung cấp dịch vụ = 74,042,075 đ

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hđ thương mại} = 1,056,660,163 \text{ đ}$$

Qua việc xác định trên ta có thể thấy hoạt động thương mại mang lại nhiều lợi nhuận cho DN nhất còn hoạt động sản xuất thì lại bị thua lỗ doanh nghiệp cần tìm hiểu nguyên nhân để điều chỉnh kịp thời.

Ý kiến 3: Hoàn thiện công tác quản lý công nợ.

Đối với việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Công ty nên lập dự phòng phải thu khó đòi bởi vì hoạt động của Công ty có hoạt động thương mại, hơn nữa Công ty chủ yếu bán chịu cho khách hàng, do vậy khoản phải thu khách hàng của Công ty là cao. Theo báo cáo công nợ của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 có tới gần 10% số nợ đã quá hạn thanh toán. Khi Công ty không lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho 10% số nợ quá hạn này thì có thể sẽ dẫn đến tình trạng là đến thời điểm các khoản nợ này được liệt vào các khoản nợ phải được xử lý thì Công ty sẽ mất đi một khoản vốn kinh doanh đột ngột mà do không lập dự phòng nên sẽ không có gì để bù đắp vào khoản vốn bị mất ấy, từ đó sẽ dẫn đến tình trạng Công ty bị thiếu hụt vốn kinh doanh. Đây là một điều không tốt đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào. Do vậy để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, đảm bảo ổn định và chủ động về tình hình tài chính thì việc lập dự phòng phải thu khó đòi là rất cần thiết và thiết thực. Cụ thể, việc lập dự phòng phải thu khó đòi của Công ty nên dựa trên cơ sở Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn về việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

1. Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

2. Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

3. Xử lý khoản dự phòng:

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm 2 Điều này; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi:

a) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi bao gồm các khoản nợ sau:

- Đối với tổ chức kinh tế:

+ Khách nợ đã giải thể, phá sản: Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản hoặc quyết định của người có thẩm quyền về giải thể đối với doanh nghiệp nợ, trường hợp tự giải thể thì có thông báo của đơn vị hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập đơn vị, tổ chức.

+ Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả: Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán.

- Đối với cá nhân phải có một trong các tài liệu sau:

+ Giấy chứng từ (bản sao) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết nhưng không có tài sản thừa kế để trả nợ.

+ Giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ còn sống hoặc đã mất tích nhưng không có khả năng trả nợ.

+ Lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với người nợ đã bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về việc khách nợ hoặc người thừa kế không có khả năng chi trả.

b) Xử lý tài chính:

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đơn vị nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác...).

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phân chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và được phản ánh ở ngoài bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 10 năm, tối đa là 15 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác.

c) Khi xử lý khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi doanh nghiệp phải lập hồ sơ sau:

- Biên bản của Hội đồng xử lý nợ của doanh nghiệp. Trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi đã trừ đi các khoản thu hồi được).

- Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán, biên bản đối chiếu nợ được chủ nợ và khách nợ xác nhận hoặc Bản thanh lý hợp đồng kinh tế hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp, tổ chức hoặc các tài liệu khách quan khác chứng minh được số nợ tồn đọng và các giấy tờ tài liệu liên quan.

- Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được, đến thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

d) Thẩm quyền xử lý nợ:

Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp có Hội đồng quản trị) hoặc Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp có Hội đồng thành viên); Tổng giám đốc, Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên) hoặc chủ doanh nghiệp căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý, các bằng chứng liên quan đến các khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi được và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý trách nhiệm theo chế độ hiện hành.

Sau khi tính toán được khoản trích lập dự phòng, kế toán định khoản các nghiệp vụ phát sinh liên quan như sau:

1, Cuối kỳ kế toán năm, kế toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập, kế toán tiến hành ghi:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

2, Nếu dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, Kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí QLDN (chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

3, Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được phép xóa nợ, việc xóa nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành.

Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi bên Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý

4, Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi lại được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112, ...

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý

Ví dụ cụ thể:

Theo như Sổ chi tiết công nợ của Công ty, Công ty cổ phần Thép Tân Dân Phú có một khoản nợ phát sinh từ tháng 05/2008 do mua tấm thép dày của Công ty CPCN Việt Hoàng. Trên hợp đồng kinh tế đối với Công ty cổ phần Thép Tân Dân Phú thì khoản nợ này phải được thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận hàng tức là thời hạn thanh toán là tháng 07/2008 nhưng trên thực tế thì đến tháng 12/2010 doanh nghiệp này vẫn chưa thanh toán hết nợ. Mặt khác, theo Báo cáo công nợ thì hiện tại doanh nghiệp này đang được đánh giá là khả năng thanh toán thấp do đang trong giai đoạn kinh doanh khó khăn và không tiếp tục mua hàng của Công ty nữa. Vì vậy, kế toán có thể tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với Công ty cổ phần Thép Tân Dân Phú như sau:

Do khoản nợ tính đến 01/2010 là hơn 1 năm (15 tháng) nên kế toán được phép trích 50% khoản nợ 785.642.000 VNĐ. Như vậy khoản dự phòng cho năm 2010 của Công ty cổ phần Thép Tân Dân Phú sẽ bằng:

$$785.642.000 \times 50\% = 392.821.000 \text{ VNĐ}$$

Kế toán sẽ định khoản là:

Nợ TK 642: 392.821.000 VNĐ

Có TK 139: 392.821.000 VNĐ

Trường hợp Công ty có nhiều đối tượng phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì kế toán sau khi tính từng khoản trích lập dự phòng cho từng đối tượng thì phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Đối với việc áp dụng chiết khấu thanh toán:

Tính đến thời điểm 31/12/2010, số phải thu khách hàng đã lên tới 28,137,979,877 đ, chiếm 20,8% tổng tài sản – một con số quá lớn. Để hạn chế tình trạng bị chiếm dụng vốn, Công ty nên đưa ra phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán sớm hoặc trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh. Công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán một cách hợp lý. Căn cứ vào từng khách hàng thanh toán nợ cho Công ty là đầu tháng sau trả tiền tháng trước trong vòng 15 ngày, Công ty có thể xác định mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể:

- + Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày mùng 2 – 4 của tháng sau thì được hưởng mức chiết khấu 2%
- + Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày mùng 5 – 10 của tháng sau thì được hưởng mức chiết khấu 1%

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 - Chi phí tài chính.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng để hạch toán số liệu theo bút toán:

Nợ TK 635

Có TK 131 – A

Ví dụ: Ngày 24/12/2010, tiền phải thu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nam Triệu là 21,154,100 đ. (Tiền bán lịch theo HĐ 001090)

Nếu đến đầu tháng 1/2011 công ty thanh toán tiền hàng trong thời hạn được hưởng chiết khấu thanh toán 2%.

+ Chiết khấu thanh toán cho khách hàng: 1111

⇒ Số tiền công ty thực thu : 20,731,018 đ

Nếu khách hàng được hưởng chiết khấu thanh toán 1%

+ Chiết khấu thanh toán cho khách hàng: $21,154,100 * 1\% = 211,541$ đ

⇒ Số tiền công ty thực thu : 20,942,559 đ

- Đồng thời, để kiểm tra và theo dõi chặt chẽ hơn các khoản nợ của khách hàng, Công ty nên phân loại công nợ cộng theo đó là lãi suất quá hạn tương ứng.

Cụ thể như:

+ Nợ luân chuyển: là các khoản nợ tính từ thời điểm phát sinh (thời điểm giao hàng) đến hết thời hạn thanh toán quy định trong hợp đồng.

+ Nợ quá hạn: Là những khoản nợ quá thời hạn thanh toán quy định trong hợp đồng hoặc kéo dài quá 45 ngày.

+ Nợ khó đòi : là các khoản nợ kéo dài trên 90 ngày. Từ đó nên lập quỹ dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh và hồ sơ khó đòi vào 31/12/năm.

Các khoản nợ quá hạn và khó đòi phát sinh thì phải lập hồ sơ theo dõi riêng từng khoản nợ, từng đối tượng khách hàng, hàng tháng báo cáo lên ban giám đốc công ty.

- Ngoài ra Công ty cần có biện pháp phòng ngừa rủi ro:

+ Lựa chọn khách hàng có uy tín

+ Yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước 1 phần giá trị đơn hàng

+ Khi bán chịu cho khách hàng cần phải xem xét kỹ khả năng thanh toán trên cơ sở hợp đồng kinh tế đã ký kết.

+ Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng kinh tế, nếu vượt quá thời hạn thanh toán trong hợp đồng thì doanh nghiệp được phép thu lãi suất tương ứng như lãi xuất quá hạn của ngân hàng.

+ Thường xuyên đôn đốc để thu hồi đúng hạn

KẾT LUẬN

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao. Trong công tác quản lý kinh tế, đặc biệt trong điều kiện phát triển không ngừng của kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của một doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra và giảm thiểu chi phí nhưng vẫn không làm giảm chất lượng hàng hoá dịch vụ. Đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh dịch vụ - là một ngành kinh tế mang tính tổng hợp cao, sản phẩm của ngành dịch vụ ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng và phong phú của ngành công nghiệp đóng tàu nhiều hơn. Bởi vậy, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự khủng hoảng vẫn đang diễn ra nghiêm trọng và sự cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hoá trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty CPCN Việt Hoàng cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Qua thời gian em được thực tập, thực tế làm việc và tìm hiểu về mô hình cũng như công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng, em đã chọn đề tài “ ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng***” cho bài khoá luận tốt nghiệp của mình. Bằng khoá luận tốt nghiệp, em xin đóng góp một vài ý kiến nhỏ bé góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung của Công ty.

Tuy nhiên, do vấn đề nghiên cứu này là tổng hợp, phức tạp, khó đánh giá chính xác đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức rộng và sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong phân tích. Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và

các anh chị trong phòng kế toán tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Hoàng để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ **Vũ Hùng Quyết**, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của Công ty cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải phòng, Ngày ... tháng 7 năm 2010

Sinh viên

Lê Thị Hoa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	TÊN TÀI LIỆU	TÁC GIẢ	NXB
1	Kế toán thương mại dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu	ĐHKT TP.HCM Khoa kinh tế TS. Phan Đức Dũng	Thống kê 2008
2	Chế độ kế toán DN (Quyển 1)	Bộ Tài Chính	Tài Chính
3	Chế độ kế toán DN (Quyển 2)	Bộ Tài Chính	Tài Chính
4	Phân tích hoạt động doanh nghiệp	Nguyễn Tấn Bình	Thống Kê
5	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TS. Nguyễn Đăng Nam PGS.TS.Nguyễn Đình Kiệt	Tài chính 2001